

Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng VCBF

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024



Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng VCBF

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Đại diện Quỹ	3
Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ	4 - 13
Báo cáo của Ngân hàng Giám sát	14
Báo cáo kiểm toán độc lập	15 - 16
Báo cáo thu nhập	17
Báo cáo tình hình tài chính	18 - 19
Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ	20
Báo cáo danh mục đầu tư	21 - 22
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	23 - 24
Thuyết minh báo cáo tài chính	25 - 65

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng VCBF

THÔNG TIN CHUNG

QUỸ

Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng VCBF ("Quỹ") được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức Quỹ mở theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 152/GCN-UBCK ngày 24 tháng 8 năm 2021 và Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ đại chúng số 48/GCN-UBCK ngày 2 tháng 12 năm 2021 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN") cấp. Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

Tổng số chứng chỉ quỹ đã phân phối lần đầu là 15.299.243,34 chứng chỉ với tổng giá trị là 152.992.433.400 VNĐ, chiếm 305,98% tổng số chứng chỉ quỹ dự kiến chào bán là 5.000.000 chứng chỉ quỹ với mệnh giá là 10.000 VNĐ/đơn vị quỹ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, vốn góp bằng mệnh giá của nhà đầu tư vào Quỹ là 457.748.664.200 VNĐ, tương đương với 45.774.866,42 chứng chỉ quỹ.

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là tăng trưởng tài sản đầu tư trong trung và dài hạn thông qua phân bổ tỷ trọng đa số vào các cổ phiếu của các công ty có vốn hóa vừa và có tiềm năng tăng trưởng cao.

Địa chỉ liên hệ của Quỹ: Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank, Tầng 15, Tòa nhà Vietcombank, 198 Trần Quang Khải, Phường Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Quỹ không có nhân viên và được quản lý bởi Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank ("Công ty Quản lý Quỹ").

NGÂN HÀNG GIÁM SÁT VÀ LƯU KÝ

Ngân hàng Giám sát và Lưu ký của Quỹ là Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam). Ngân hàng Giám sát và Lưu ký được chỉ định bởi Đại hội Nhà đầu tư, thực hiện lưu ký chứng khoán, lưu trữ các hợp đồng kinh tế và ghi nhận tài sản của Quỹ cũng như giám sát hoạt động của Quỹ. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát và Lưu ký được quy định tại Điều lệ Quỹ.

CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Công ty Quản lý Quỹ được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 06/UBCK-GPHĐQLQ ngày 2 tháng 12 năm 2005 và các giấy phép điều chỉnh do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, lần điều chỉnh gần nhất là Giấy phép điều chỉnh số 32/GPĐC-UBCK ngày 14 tháng 5 năm 2024. Công ty Quản lý Quỹ được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0101842669 lần gần nhất vào ngày 11 tháng 7 năm 2024 (đăng ký lần đầu ngày 2 tháng 12 năm 2005), và là đại diện theo ủy quyền của Quỹ, thay mặt cho Quỹ để thực hiện quyền sở hữu đối với tài sản của Quỹ một cách trung thực và cẩn trọng. Công ty Quản lý Quỹ tuân thủ các quy định của pháp luật và điều lệ của Công ty Quản lý Quỹ, thực hiện việc quản lý tài sản của Quỹ theo quy định tại Điều lệ Quỹ, tuân thủ các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp, tự nguyện, công bằng, trung thực và vì lợi ích cao nhất của Quỹ.

BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Các thành viên Ban Đại diện Quỹ trong năm và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Mạc Quang Huy	Chủ tịch, thành viên độc lập	Bổ nhiệm ngày 2 tháng 12 năm 2021
Bà Nguyễn Thị Thủy	Thành viên độc lập	Bổ nhiệm ngày 2 tháng 12 năm 2021
Bà Vũ Ngọc Quỳnh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 11 năm 2023

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng VCBF

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty Quản lý Quỹ trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm</u>
Bà Nguyễn Thị Hằng Nga	Tổng Giám đốc Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank – Công ty Quản lý Quỹ	Bổ nhiệm ngày 17 tháng 4 năm 2024
Ông Vũ Quang Đông	Tổng Giám đốc Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank – Công ty Quản lý Quỹ	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 7 năm 2017 Miễn nhiệm ngày 17 tháng 4 năm 2024

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Quỹ.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng VCBF

BÁO CÁO CỦA BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Ban Đại diện Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng VCBF ("Quỹ") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Quỹ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank ("Công ty Quản lý Quỹ"), với tư cách là công ty quản lý quỹ của Quỹ, chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính và danh mục đầu tư, kết quả thu nhập, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Quỹ trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Quỹ có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Quỹ sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Quỹ, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Quỹ và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Theo đó, chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính đính kèm, trên cơ sở cam kết của Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính và danh mục đầu tư của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả thu nhập, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của quỹ mở.

Thay mặt Ban Đại diện Quỹ



Ông Mạc Quang Huy
Chủ tịch

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2025

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ

1. Mục tiêu của Quỹ

Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng VCBF ("Quỹ") được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức Quỹ mở theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán Chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 152/GCN-UBCK ngày 24 tháng 8 năm 2021 và Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ đại chúng số 48/GCN-UBCK ngày 2 tháng 12 năm 2021 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN") cấp. Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

Mục tiêu đầu tư của Quỹ chủ yếu là tăng trưởng tài sản đầu tư trong trung và dài hạn thông qua phân bổ tỷ trọng đa số vào các cổ phiếu của các công ty có vốn hóa vừa và có tiềm năng tăng trưởng cao.

2. Hiệu quả hoạt động của Quỹ

Theo báo cáo tài chính của Quỹ đã được kiểm toán, tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2024, thay đổi giá trị tài sản ròng (NAV)/1 đơn vị quỹ của Quỹ và thay đổi của chỉ số tham chiếu lần lượt là 26,36% và 9,90% so với ngày 31 tháng 12 năm 2023.

3. Chiến lược đầu tư của Quỹ

Quỹ sẽ tuân thủ một chiến lược đầu tư có kỷ luật nhằm đạt được mục tiêu đầu tư của Quỹ và sẽ đầu tư vào một danh mục đa dạng các cổ phiếu thỏa mãn các điều kiện về Phân bổ tài sản nhằm giảm thiểu rủi ro cho Quỹ. Các cổ phiếu có vốn hóa vừa thường có đặc thù là thanh khoản thấp. Quỹ sẽ cân nhắc kỹ lưỡng rủi ro này trong lựa chọn cổ phiếu và mức chiết khấu cần thiết với các cổ phiếu có thanh khoản thấp. Công ty có vốn hóa vừa được định nghĩa là công ty có vốn hóa nằm trong phạm vi vốn hóa của các cổ phiếu trong chỉ số VNMIIDCAP.

Tỷ trọng phân bổ tài sản của Quỹ như sau:

<i>Loại hình đầu tư</i>	<i>Mức độ rủi ro</i>	<i>Tỷ trọng trong giá trị tài sản ròng (NAV)</i>
Cổ phiếu của công ty có vốn hóa vừa và có tiềm năng tăng trưởng cao	Cao	Tỷ trọng đa số
Trái phiếu	Thấp	Hầu như không có Tuy nhiên, Quỹ có thể xem xét đầu tư các trái phiếu phát sinh từ việc thực hiện quyền mua của các cổ phiếu nắm giữ với tỷ trọng tối đa 10% tổng tài sản của Quỹ.
Tiền	Gần như không có rủi ro	Phần tiền chưa đầu tư

4. Phân loại Quỹ

Quỹ được tổ chức dưới hình thức quỹ mở theo quy định của Thông tư số 98/2020/TT-BTC ("Thông tư 98") ngày 16 tháng 11 năm 2020 hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán do Bộ Tài chính ban hành.

5. Thời gian khuyến nghị đầu tư của Quỹ: Trung đến dài hạn

6. Mức độ rủi ro ngắn hạn (thấp, trung bình, cao): Cao

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ (tiếp theo)

7. Thời điểm bắt đầu hoạt động của Quỹ

Quỹ bắt đầu hoạt động từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ đại chúng số 48/GCN-UBCK ngày 2 tháng 12 năm 2021 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN") cấp. Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

8. Quy mô Quỹ tại thời điểm báo cáo

Tổng giá trị tài sản ròng: 613.479.194.699 Việt Nam đồng.

Số lượng chứng chỉ quỹ: 45.774.866,42 chứng chỉ quỹ.

9. Lợi nhuận tham chiếu của Quỹ

Lợi nhuận tham chiếu của Quỹ là thay đổi của chỉ số VNMIDCAP.

10. Chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ

Việc phân phối lợi nhuận của Quỹ cho Nhà đầu tư sẽ do Đại hội Nhà Đầu tư hoặc Ban Đại diện Quỹ quyết định phù hợp với các quy định tại Điều lệ Quỹ theo đề xuất của Công ty Quản lý Quỹ trên cơ sở các báo cáo tài chính đã kiểm toán xác nhận có đủ lợi nhuận để phân phối.

Công ty Quản lý Quỹ phải khấu trừ mọi khoản thuế, phí, lệ phí theo quy định của pháp luật trước khi phân phối lợi nhuận cho Nhà đầu tư.

Lợi nhuận của Quỹ sẽ không được phân phối nếu sau khi phân phối:

- Quỹ không đủ khả năng tài chính để hoàn thành các nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính, nghĩa vụ tài sản, các khoản nợ đến hạn theo quy định của pháp luật; hoặc
- Giá trị tài sản ròng của Quỹ dưới mức tối thiểu theo quy định của pháp luật.

11. Lợi nhuận thuần thực tế phân phối trên một đơn vị quỹ

Trong năm, Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận.

II. SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG

1. Phân bổ tài sản quỹ

Phân bổ tài sản quỹ	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 (%)	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 (%)	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 (%)
Danh mục cổ phiếu	94,83	98,27	97,58
Tài sản khác	5,17	1,73	2,42
Tổng cộng	100,00	100,00	100,00

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

II. SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)

2. Chi tiết chỉ tiêu hoạt động

STT	Chỉ tiêu	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
1	Giá trị tài sản ròng của Quỹ (VND)	613.479.194.699	322.992.936.587	255.876.261.450
2	Tổng số chứng chỉ quỹ ("CCQ") đang lưu hành	45.774.866,42	30.454.039,45	31.834.509,36
3	Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ	13.402,09	10.605,91	8.037,70
4	Giá trị tài sản ròng cao nhất trên 1 đơn vị quỹ trong kỳ báo cáo	13.460,19	10.946,13	10.754,48
5	Giá trị tài sản ròng thấp nhất trên 1 đơn vị quỹ trong kỳ báo cáo	10.605,26	8.034,19	6.778,32
6	Giá cuối ngày trên 1 đơn vị quỹ tại ngày báo cáo (a)	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
7	Giá cuối ngày cao nhất trên 1 đơn vị quỹ trong kỳ báo cáo (a)	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
8	Giá cuối ngày thấp nhất trên 1 đơn vị quỹ trong kỳ báo cáo (a)	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
9	Tổng tăng trưởng (%) / 1 đơn vị quỹ (b)	26,36	31,95	-19,62
9.1	Tăng trưởng vốn (%) / 1 đơn vị quỹ			
	(Thay đổi do biến động giá) (b)	26,33	31,44	-19,79
9.2	Tăng trưởng thu nhập (%) / 1 đơn vị quỹ			
	(Tính trên thu nhập đã thực hiện) (b)	0,03	0,51	0,17
10	Phân phối gộp trên 1 đơn vị quỹ (c)	-	-	-
11	Phân phối ròng trên 1 đơn vị quỹ (c)	-	-	-
12	Ngày chốt quyền (Ex-date of distribution) (c)	-	-	-
13	Tỷ lệ chi phí hoạt động của quỹ (%)	2,26	2,26	2,44
14	Tốc độ vòng quay danh mục (%)	25,44	5,46	59,93

(a) Chứng chỉ quỹ của Quỹ không được niêm yết trên thị trường chứng khoán.

(b) Phần phân tách tăng trưởng / 1 đơn vị quỹ thành tăng trưởng thu nhập / 1 đơn vị quỹ và tăng trưởng vốn / 1 đơn vị quỹ chỉ mang tính tương đối.

(c) Quỹ chưa phân phối lợi nhuận.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

II. SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)

3. Tăng trưởng qua các thời kỳ

<i>Giai đoạn</i>	<i>Tăng trưởng của giá trị tài sản ròng của Quỹ trên một đơn vị quỹ (%)</i>	<i>Lợi nhuận tham chiếu của Quỹ (%)</i>
1 năm (từ 1/1/2024 đến 31/12/2024)	26,36	9,90
3 năm (từ 1/1/2021 đến 31/12/2024)	33,10	-14,87
3 năm (bình quân năm)	10,00	-5,23
Từ khi thành lập	34,02	-8,64
Từ khi thành lập (bình quân năm)	9,97	-2,89

4. Tăng trưởng hàng năm

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Năm 2024 (%)</i>	<i>Năm 2023 (%)</i>	<i>Năm 2022 (%)</i>
Tăng trưởng của giá trị tài sản ròng của Quỹ/1 đơn vị quỹ	26,36	31,95	-20,18

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

III. MÔ TẢ THỊ TRƯỜNG

1. Kinh tế vĩ mô

Tăng trưởng GDP đạt mức tăng trưởng 7,1% cho cả năm 2024, tương đương với mức tăng trưởng của những năm 2018 và 2019 trước dịch Covid:

- ▶ Khu vực Công nghiệp và Xây dựng (chiếm 37,6% GDP) tăng 8,2% so với cùng kỳ năm 2023 (tăng 3,7%), nhờ sự tăng trưởng của ngành Công nghiệp chế biến, chế tạo, tăng 9,8% trong năm 2024 cao hơn so với mức tăng 6,0% của ba năm liền trước, và sự hỗ trợ của ngành Xây dựng, tăng 7,9% (2023: 7,1%), trong khi ngành Khai khoáng tiếp tục suy yếu xuống mức -7,2% từ mức -3,2% của năm ngoái do sản lượng khai thác dầu thô và khí tự nhiên giảm.
- ▶ Khu vực Dịch vụ (42,4% GDP) vẫn tiếp tục đà phục hồi, tăng 7,4% so với cùng kỳ trong năm 2024, đóng góp 49,5% vào tổng mức tăng trưởng GDP.
- ▶ Khu vực Nông, lâm ngư nghiệp (11,9% GDP) tăng 3,3% so với cùng kỳ và đóng góp 5,4% vào tổng mức tăng trưởng GDP.
- ▶ Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng tăng trưởng 9,0% so với cùng kỳ năm trước tính theo giá hiện hành và tăng 5,9% tính theo giá trị thực, đều giảm so với mức tăng trưởng lần lượt là 9,4% và 6,8% trong năm 2023.
- ▶ Chỉ số PMI giảm trở lại dưới mức 50 điểm, đạt 49,8 điểm trong tháng 12. Sau khi phục hồi từ mức 47,3 điểm do ảnh hưởng của bão Yagi vào tháng 9, lượng đơn đặt hàng mới và đơn đặt hàng xuất khẩu đã chậm lại trong tháng 12.
- ▶ Xuất khẩu ghi nhận số lượng đơn đặt hàng cao hơn, tăng 14,3% so với cùng kỳ trong 2024, hầu hết các nhóm hàng đều tăng trưởng tốt, dẫn đầu là thiết bị điện tử (tăng 26,6% so với cùng kỳ) và máy móc (tăng 21,0% so với cùng kỳ).
- ▶ Lạm phát ở mức 3,6% và duy trì dưới ngưỡng 4,0% được Chính phủ đề ra từ đầu năm.

VNĐ giảm so với USD trong quý 4 và đảo ngược sự tăng giá của VNĐ trong quý 3 khiến VNĐ giảm 5,0% so với USD cho cả năm 2024. Tuy nhiên, cán cân vắn tốt đã giúp NHNN giảm thiểu tác động của việc đồng USD mạnh lên nhiều trong quý cuối năm, thể hiện bằng chỉ số DXY, chỉ số đo lường sức mạnh đồng USD theo trọng số thương mại, tăng 7,1% so với cuối năm 2023.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

III. MÔ TẢ THỊ TRƯỜNG (tiếp theo)

2. Thị trường cổ phiếu

VN-Index tăng 12,1% trong năm 2024, vượt trội so với PCOMP của Philippines (+1,2%), SET của Thái Lan (-1,1%) và JCI của Indonesia (-2,7%), nhưng thấp hơn FBMEMAS của Malaysia (+16,3%) và SHCOMP của Trung Quốc (+12,7%).

Giá trị giao dịch trung bình hàng ngày tăng 13,4% so với năm trước, đạt 830 triệu USD. Nhưng thanh khoản chậm lại đáng kể vào nửa cuối năm do thị trường chủ yếu đi ngang, hạn chế cơ hội giao dịch ngắn hạn và làm giảm sự tham gia của nhà đầu tư cá nhân. Lực bán ròng từ khối ngoại cũng gây áp lực lên tâm lý thị trường. Nhà đầu tư nước ngoài rút ròng 3,7 tỷ USD trong năm 2024, tăng mạnh so với 944 triệu USD năm 2023, chủ yếu do lộ trình cắt giảm lãi suất của FED chậm hơn dự báo và đồng USD mạnh lên.

Cổ phiếu vốn hóa lớn dẫn dắt thị trường khi VN30 tăng 18,9%, vượt xa VN70 đại diện cho nhóm cổ phiếu vốn hóa vừa (+9,9%) và VN50 đại diện cho nhóm cổ phiếu vốn hóa nhỏ (+5,8%), đảo ngược xu hướng năm 2023 khi nhóm vốn hóa vừa và nhỏ chiếm ưu thế.

Trong 11 nhóm ngành GICS, 10 nhóm ghi nhận mức tăng. Công nghệ thông tin dẫn đầu (+75,5%), với động lực từ FPT Corp (HSX: FPT, +85,0%), được hưởng lợi từ tăng trưởng lợi nhuận mạnh mẽ và mở rộng hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực AI. Ngành Hàng tiêu dùng không thiết yếu (+31,6%) phục hồi nhờ điều kiện kinh tế cải thiện và niềm tin người tiêu dùng tăng lên. Ngành Tài chính (+20,4%) được hưởng lợi từ nhu cầu tín dụng cao hơn, triển vọng biên lãi ròng (NIM) cải thiện và áp lực nợ xấu (NPL) giảm trong bối cảnh kinh tế và thị trường bất động sản phục hồi. Bất động sản (-5,6%) là nhóm duy nhất giảm điểm, khi các doanh nghiệp lớn như Vingroup (HSX: VIC, -9,1%) và Vinhomes (HSX: VHM, -7,4%) chịu áp lực bán do lo ngại về những khoản hỗ trợ tài chính cho VinFast.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

IV. CHI TIẾT CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

1. Số liệu chi tiết hoạt động của Quỹ

Chỉ tiêu	1 năm đến thời điểm báo cáo (%)	Từ khi thành lập đến thời điểm báo cáo (%)
Tăng trưởng thu nhập/1 đơn vị quỹ (a)	0,03	Không áp dụng
Tăng trưởng vốn/1 đơn vị quỹ (a)	26,33	Không áp dụng
Tăng trưởng hàng năm/1 đơn vị quỹ	26,36	9,97
Tăng trưởng của danh mục cơ cấu	Không áp dụng	Không áp dụng
Thay đổi giá trị thị trường của 1 đơn vị quỹ	Không áp dụng	Không áp dụng

(a) Phần phân tách tăng trưởng/1 đơn vị quỹ thành tăng trưởng thu nhập/1 đơn vị quỹ và tăng trưởng vốn/1 đơn vị quỹ chỉ mang tính tương đối.

Thay đổi giá trị tài sản ròng:

Chỉ tiêu	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VNĐ	Tỷ lệ thay đổi (%)
Giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ	613.479.194.699	322.992.936.587	89,94
Giá trị tài sản ròng (NAV)/1 đơn vị quỹ	13.402,09	10.605,91	26,36

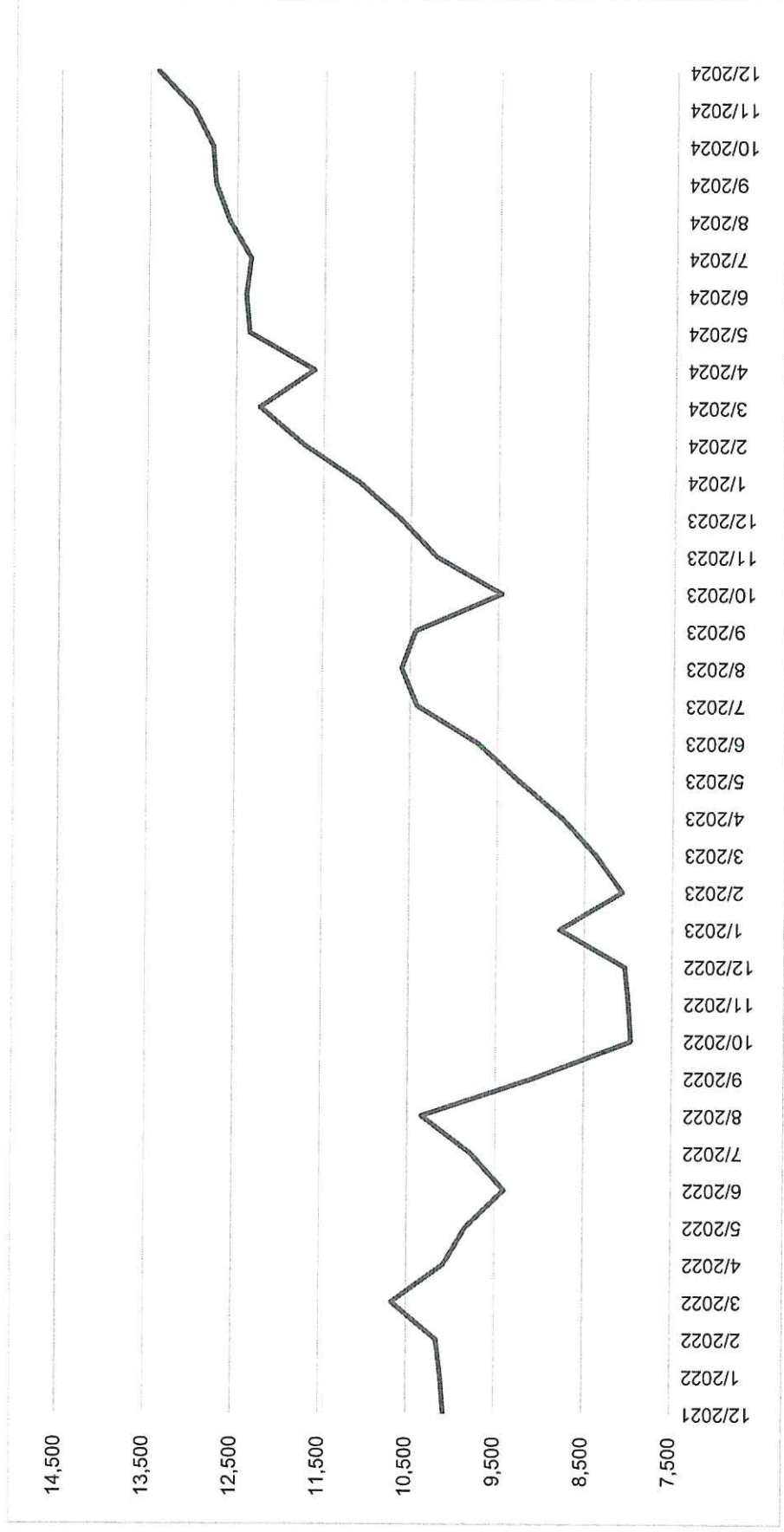
Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

IV. CHI TIẾT CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

1. Số liệu chi tiết hoạt động của Quỹ (tiếp theo)

Biểu đồ thay đổi Giá trị tài sản ròng (NAV) trên 1 đơn vị quỹ hàng tháng của Quỹ:



Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

IV. CHI TIẾT CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

2. Thống kê về Nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Quy mô nắm giữ (chứng chỉ quỹ)	Số lượng nhà đầu tư nắm giữ	Số lượng chứng chỉ quỹ nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ (%)
Dưới 5.000	10.760	7.352.263,50	16,07
Từ 5.000 đến 10.000	638	4.573.355,30	9,99
Từ 10.000 đến 50.000	618	13.009.285,43	28,42
Từ 50.000 đến 500.000	114	12.933.409,43	28,25
Trên 500.000	6	7.906.552,76	17,27
Tổng cộng	12.136	45.774.866,42	100,00

3. Chi phí ngầm và giảm giá: Không có

V. THÔNG TIN VỀ TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG

Nền kinh tế Việt Nam được dự báo sẽ duy trì đà tăng trưởng cao trong năm 2025. Triển vọng của khu vực sản xuất, một trong những động lực tăng trưởng chính trong năm 2024 vẫn rất khả quan. Xuất khẩu được dự báo sẽ tiếp tục tăng trưởng mặc dù ở tốc độ chậm hơn do hiệu ứng nền thấp đã không còn. Trên thế giới, ngân hàng trung ương ở các nền kinh tế lớn đã cắt giảm lãi suất và điều này sẽ tác động tích cực đến tăng trưởng kinh tế thế giới. Bên cạnh đó, vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào ngành sản xuất vẫn rất khả quan và các dự án mới này khi đi vào hoạt động sẽ tạo ra giá trị xuất khẩu gia tăng. Hơn nữa, điều quan trọng là Chính phủ đã rất tích cực cải thiện môi trường kinh doanh để tạo thuận lợi cho doanh nghiệp và khuyến khích đầu tư mới, đặc biệt là các khoản đầu tư vào các lĩnh vực có giá trị gia tăng cao. Chính phủ cũng đang rất quyết tâm đẩy mạnh đầu tư cơ sở hạ tầng và điều này không chỉ thúc đẩy tăng trưởng kinh tế trong ngắn hạn mà còn giúp Việt Nam nâng cao lợi thế cạnh tranh trong thu hút vốn FDI trong trung và dài hạn. Khu vực dịch vụ, một động lực tăng trưởng quan trọng khác trong năm 2024 cũng có triển vọng khả quan. Ngành du lịch đã có một năm 2024 thăng hoa và tiếp tục đặt mục tiêu đầy tham vọng là đón 22 đến 23 triệu khách du lịch quốc tế trong năm 2025, tương đương mức tăng trưởng từ 25,0% đến 30,7% so với năm trước.

Tiêu dùng trong nước, vốn còn khá trì trệ trong năm 2024, được dự báo sẽ tăng tốc và đóng góp nhiều hơn vào tăng trưởng chung của nền kinh tế trong năm 2025. Chính phủ sẽ duy trì chính sách tiền tệ mở rộng như hiện nay để hỗ trợ nền kinh tế, đặc biệt khi lạm phát vẫn trong tầm kiểm soát. Áp lực tỷ giá đã gia tăng trong quý 4 2024, sau khi dữ liệu vĩ mô cho thấy nền kinh tế Mỹ vẫn rất vững vàng. Ngoài ra, thị trường cũng lo ngại rằng chính sách về thuế quan, tài khóa, và nhập cư của tổng thống Mỹ Donald Trump có thể dẫn đến áp lực lạm phát dai dẳng và đồng USD duy trì sức mạnh. Tuy nhiên, vì lãi suất điều hành ở Mỹ hiện nay (4,25%-4,5%) vẫn còn khá cao trong khi áp lực lạm phát đã giảm đáng kể (chỉ số chỉ tiêu tiêu dùng cá nhân PCE tháng 12: +2,6% so với cùng kỳ), nên có khả năng Fed sẽ tiếp tục cắt giảm lãi suất trong năm 2025 để tránh khả năng thị trường lao động ở Mỹ suy yếu thêm. Bên cạnh đó, đồng nội tệ VNĐ cũng sẽ được hỗ trợ bởi dòng vốn FDI và thặng dư thương mại. Cuối cùng, sự phục hồi của khu vực sản xuất công nghiệp sẽ giúp người dân lạc quan hơn về triển vọng công việc và từ đó tự tin hơn trong các quyết định chi tiêu.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

V. THÔNG TIN VỀ TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG (tiếp theo)

Kế hoạch áp thuế của tổng thống Mỹ có khả năng gây rủi ro cho xuất khẩu của Việt Nam vì Mỹ có thâm hụt thương mại lớn với Việt Nam (104,6 tỷ đô la Mỹ vào năm 2024). Tuy nhiên, cổ cơ sở đề kỳ vọng rằng Việt Nam có thể tránh được hoặc ít nhất là giảm thiểu rủi ro này. Thứ nhất, điều quan trọng cần lưu ý là ông Donald Trump sử dụng thuế quan như một công cụ đàm phán cho cả mục tiêu kinh tế và chính trị. Điều đó giải thích vì sao ông Donald Trump dọa sẽ đánh thuế các sản phẩm nhập khẩu từ Canada và Mexico và áp dụng thuế quan bổ sung 10% đối với các sản phẩm từ Trung Quốc nhằm giải quyết nạn buôn bán ma túy và nhập cư bất hợp pháp vào Mỹ từ các quốc gia này. Rõ ràng là Mỹ không có các bất đồng như vậy với Việt Nam. Thứ hai, chi phí lao động ở Mỹ và Việt Nam chênh lệch rất lớn và do đó các doanh nghiệp sẽ không có lợi khi di dời các mảng kinh doanh thâm hụt lao động lớn về Mỹ. Trong một kịch bản tích cực hơn, Việt Nam có thể hưởng lợi nếu thuế suất Mỹ áp dụng lên hàng hóa nhập khẩu từ các quốc gia khác cao hơn thuế suất áp dụng lên hàng hóa từ Việt Nam.

Điều kiện vĩ mô hiện nay là thuận lợi cho kênh đầu tư cổ phiếu. Lợi nhuận của doanh nghiệp được dự báo sẽ tiếp tục tăng trưởng. Trong năm 2024, tổng lợi nhuận của các công ty trong VN-Index tăng 17,6% so với cùng kỳ năm trước. Theo tổng hợp dự báo của thị trường, lợi nhuận năm 2025 của các công ty trong chỉ số VN-Index sẽ tăng 19,5% so với cùng kỳ. Định giá cổ phiếu hiện nay ở mức thấp và sẽ trở nên hấp dẫn hơn với hệ số P/E năm 2024 là 12,4 lần và dự phóng năm 2025 là 10,3 lần, thấp hơn đáng kể so với mức trung bình trong 10 năm qua là 15,7 lần¹. Triển vọng thị trường chứng khoán được nâng hạng vào năm 2025 là một yếu tố tích cực khác. Thị trường kỳ vọng tổ chức FTSE sẽ nâng hạng chứng khoán Việt Nam lên thị trường mới nổi thứ cấp vào năm 2025 sau khi yêu cầu nhà đầu tư tổ chức nước ngoài phải ký quỹ 100% trước khi giao dịch được gỡ bỏ. Theo đại diện FTSE, sau khi được nâng hạng, thị trường chứng khoán Việt Nam có thể thu hút ngay khoảng 1 tỷ USD từ các quỹ thụ động.

VI. THÔNG TIN KHÁC

Thông tin về từng nhân sự điều hành quỹ, Ban Đại diện Quỹ và Ban Điều hành Công ty Quản lý Quỹ đã được trình bày đầy đủ tại Bản cáo bạch của Quỹ.



Bà Nguyễn Thị Hằng Nga
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2025

¹ VCBF tổng hợp số liệu từ nhiều nguồn

==
38
ÔI
INH
ST
IÊ
TI



BÁO CÁO CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Chúng tôi là Ngân hàng giám sát của Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng VCBF (“Quỹ” hoặc “VCBF-MGF”) cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 31 tháng 12 năm 2024, với sự hiểu biết của chúng tôi thì trong giai đoạn này Quỹ đã hoạt động và được quản lý với các nội dung dưới đây:

- Trong quá trình giám sát hoạt động đầu tư và các giao dịch tài sản của Quỹ cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 31 tháng 12 năm 2024, Quỹ đã tuân thủ các giới hạn về hạn mức đầu tư được quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về quỹ mở, Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và văn bản pháp luật liên quan.
- Việc định giá, đánh giá tài sản của Quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ, Sổ tay định giá đã được Ban đại diện Quỹ phê duyệt và các văn bản pháp luật liên quan.
- Phát hành và mua lại Chứng chỉ Quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.
- Trong giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 31 tháng 12 năm 2024, Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận và không chi trả cổ tức cho nhà đầu tư.

ĐẠI DIỆN NGÂN HÀNG GIÁM SÁT



Nguyễn Thuỳ Linh

Phó phòng Dịch vụ Nghiệp vụ Giám sát Quỹ

NHÂN VIÊN GIÁM SÁT

Vũ Minh Hiền

Nhân viên phòng Dịch vụ Nghiệp vụ Giám sát Quỹ



Shape the future
with confidence

Ernst & Young Vietnam Limited
20th Floor, Bitexco Financial Tower
2 Hai Trieu Street, District 1
Ho Chi Minh City, Vietnam

Tel: +84 28 3824 5252
Email: eyhcmc@vn.ey.com
Website (EN): ey.com/en_vn
Website (VN): ey.com/vi_vn

Số tham chiếu: 12906604/68500632

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các nhà đầu tư của Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng VCBF

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng VCBF ("Quỹ") được lập ngày 31 tháng 3 năm 2025 và được trình bày từ trang 17 đến trang 65, bao gồm báo cáo tình hình tài chính, báo cáo danh mục đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, báo cáo thu nhập, báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Điều hành Công ty Quản lý Quỹ

Ban Điều hành của Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank là Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Quỹ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của quỹ mở và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành Công ty Quản lý Quỹ xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Quỹ có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Quỹ liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Quỹ. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành của Công ty Quản lý Quỹ cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Shape the future
with confidence

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính và danh mục đầu tư của Quý vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả thu nhập, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của quỹ mở.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Vũ Tiên Dũng
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 3221-2025-004-1

Nguyễn Văn Trung
Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 3847-2021-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2025

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng VCBF

BÁO CÁO THU NHẬP
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

B01-QM

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VNĐ	Năm trước VNĐ
01	I. THU NHẬP, DOANH THU HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		114.783.881.696	86.489.687.394
02	1.1 Cổ tức được chia		10.835.663.830	7.893.189.200
03	1.2 Tiền lãi được nhận	13	167.634.716	99.412.394
04	1.3 Lãi từ bán các khoản đầu tư	14	20.721.602.000	2.678.679.588
05	1.4 Chênh lệch tăng đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện	5	83.058.981.150	75.818.406.212
10	II. CHI PHÍ ĐẦU TƯ		347.692.938	46.256.907
11	2.1 Chi phí giao dịch mua, bán các khoản đầu tư	15	347.692.938	46.256.907
20	III. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG QUỸ MỞ		10.522.133.814	6.663.277.920
20.1	3.1 Phí quản lý Quỹ mở	23.1	9.039.985.453	5.384.025.044
20.2	3.2 Phí dịch vụ lưu ký tài sản Quỹ mở	16	235.013.897	166.013.337
20.3	3.3 Phí dịch vụ giám sát	23.2	227.560.623	211.200.000
20.4	3.4 Phí dịch vụ quản trị Quỹ mở	23.2	448.800.000	427.289.723
20.5	3.5 Phí dịch vụ Đại lý chuyển nhượng		132.000.000	132.000.000
20.7	3.6 Chi phí họp, Đại hội Quỹ mở		157.745.987	64.061.197
20.8	3.7 Chi phí kiểm toán		142.560.000	143.880.000
20.10	3.8 Chi phí hoạt động khác	17	138.467.854	134.808.619
23	IV. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		103.914.054.944	79.780.152.567
30	V. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ		103.914.054.944	79.780.152.567
31	5.1 Lợi nhuận đã thực hiện		20.855.073.794	3.961.746.355
32	5.2 Lợi nhuận chưa thực hiện	5	83.058.981.150	75.818.406.212
40	VI. CHI PHÍ THUẾ TNDN		-	-
41	VII. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN		103.914.054.944	79.780.152.567

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 31 tháng 3 năm 2025

Bà Lê Văn
Trưởng phòng Dịch vụ Quỹ và Danh mục

Bà Nguyễn Thị Hằng Nga
Tổng Giám đốc

Bà Nguyễn Minh Hằng
Người lập biểu

Bà Trần Thị Hà Linh
Kế toán Trưởng

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng VCBF

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

B02-QM

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm VNĐ	Số đầu năm VNĐ
100	I. TÀI SẢN			
110	1. Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền	4	31.376.825.925	5.210.236.036
111	1.1 Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ mở		31.376.825.925	3.180.493.294
112	1.2 Tiền gửi có kỳ hạn dưới ba (3) tháng		-	2.029.742.742
120	2. Các khoản đầu tư thuần		585.923.064.150	318.536.178.000
121	2.1 Các khoản đầu tư	5	585.923.064.150	318.536.178.000
121.1	2.1.1 Cổ phiếu		585.236.458.650	318.307.770.500
121.2	2.1.2 Quyền mua chứng khoán		686.605.500	228.407.500
130	3. Các khoản phải thu		541.598.000	384.704.748
133	3.1 Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư		541.598.000	384.704.748
136	3.1.1 Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	6	541.598.000	384.704.748
100	TỔNG TÀI SẢN		617.841.488.075	324.131.118.784
300	II. NỢ PHẢI TRẢ			
313	1. Phải trả cho các Đại lý phân phối chứng chỉ quỹ	23.1	409.566.597	-
314	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		42.352.647	-
316	3. Chi phí phải trả	7	27.000.000	71.280.000
317	4. Phải trả cho Nhà đầu tư về mua chứng chỉ quỹ	8	2.134.648.676	724.413.453
318	5. Phải trả cho Nhà đầu tư về mua lại chứng chỉ quỹ	9	795.299.797	-
319	6. Phải trả dịch vụ quản lý Quỹ mở	10	953.425.659	342.488.744
300	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		4.362.293.376	1.138.182.197
400	III. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CÓ THỂ PHÂN PHỐI CHO NHÀ ĐẦU TƯ NẤM GIỮ CHỨNG CHỈ QUỸ MỞ		613.479.194.699	322.992.936.587
411	1. Vốn góp của Nhà đầu tư		457.748.664.200	304.540.394.500
412	1.1 Vốn góp phát hành	11	710.048.058.000	440.692.717.100
413	1.2 Vốn góp mua lại	11	(252.299.393.800)	(136.152.322.600)
414	2. Thặng dư vốn góp của Nhà đầu tư		33.467.012.655	103.079.187
420	3. Lợi nhuận chưa phân phối	12	122.263.517.844	18.349.462.900
430	IV. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG QUỸ MỞ TRÊN 1 CHỨNG CHỈ QUỸ	11	13.402,09	10.605,91

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng VCBF

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

B02-QM

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm Chứng chỉ quỹ	Số đầu năm Chứng chỉ quỹ
004	1. Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành	19	45.774.866,42	30.454.039,45

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 31 tháng 3 năm 2025

Bà Lê Văn
Trưởng phòng Dịch vụ Quỹ và Danh mục



Bà Nguyễn Thị Hằng Nga
Tổng Giám đốc

Bà Nguyễn Minh Hằng
Người lập biểu

Bà Trần Thị Hà Linh
Kế toán Trưởng

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng VCBF

BÁO CÁO THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG, GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

B03-QM

STT	CHỈ TIÊU	Năm nay VNĐ	Năm trước VNĐ
I	Giá trị tài sản ròng của Quỹ mở (NAV) đầu năm	322.992.936.587	255.876.261.450
II	Thay đổi NAV so với năm trước	103.914.054.944	79.780.152.567
II.1	<i>Trong đó:</i> - Thay đổi NAV do biến động thị trường và hoạt động giao dịch của Quỹ trong năm	103.914.054.944	79.780.152.567
III	Thay đổi NAV do mua lại, phát hành thêm chứng chỉ quỹ	186.572.203.168	(12.663.477.430)
III.1	<i>Trong đó:</i> - Khoản thu từ việc phát hành bổ sung chứng chỉ quỹ	328.843.788.806	83.324.536.122
III.2	- Khoản thanh toán từ việc mua lại chứng chỉ quỹ	(142.271.585.638)	(95.988.013.552)
IV	Giá trị tài sản ròng của Quỹ mở cuối năm	613.479.194.699	322.992.936.587

Hà Nội, Việt Nam
 Ngày 31 tháng 3 năm 2025


 Bà Lê Văn
 Trưởng phòng Dịch vụ Quỹ và Danh mục


 Bà Nguyễn Thị Hằng Nga
 Tổng Giám đốc


 Bà Nguyễn Minh Hằng
 Người lập biểu


 Bà Trần Thị Hà Linh
 Kế toán Trưởng

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng VCBF

BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

B04-QM

STT	Loại tài sản	Số lượng	Giá thị trường tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 VNĐ	Tổng giá trị VNĐ	Tỷ lệ trên tổng giá trị tài sản của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 (%)
I	Cổ phiếu				
1	Cổ phiếu niêm yết	15.650.127		585.236.458.650	94,72
1.1	ACB	720.775	25.800	18.595.995.000	3,01
1.2	BVH	255.000	50.700	12.928.500.000	2,09
1.3	BWE	648.260	47.500	30.792.350.000	4,98
1.4	CTD	349.733	68.700	24.026.657.100	3,89
1.5	CTR	95.600	124.500	11.902.200.000	1,93
1.6	DBD	342.862	57.600	19.748.851.200	3,20
1.7	DGW	158.600	40.200	6.375.720.000	1,03
1.8	FPT	207.446	152.500	31.635.515.000	5,12
1.9	GMD	361.800	65.200	23.589.360.000	3,82
1.10	HAX	952.487	16.950	16.144.654.650	2,61
1.11	HCM	702.735	29.400	20.660.409.000	3,34
1.12	HPG	671.110	26.650	17.885.081.500	2,89
1.13	IJC	776.000	13.850	10.747.600.000	1,74
1.14	LHG	492.700	35.500	17.490.850.000	2,83
1.15	MBB	1.253.020	25.100	31.450.802.000	5,09
1.16	MCM	208.800	34.300	7.161.840.000	1,16
1.17	MIG	610.316	17.500	10.680.530.000	1,73
1.18	MSB	915.330	11.650	10.663.594.500	1,73
1.19	MSH	191.200	52.000	9.942.400.000	1,61
1.20	MWG	275.000	61.000	16.775.000.000	2,72
1.21	NLG	374.900	36.550	13.702.595.000	2,22
1.22	NTC	66.700	213.000	14.207.100.000	2,30
1.23	PC1	506.130	22.900	11.590.377.000	1,88
1.24	PNJ	312.733	97.900	30.616.560.700	4,96
1.25	PVS	360.000	33.900	12.204.000.000	1,96
1.26	QNS	319.900	50.000	15.995.000.000	2,59
1.27	REE	169.975	67.900	11.541.302.500	1,87
1.28	SAS	84.200	36.300	3.056.460.000	0,49
1.29	SGN	132.900	84.000	11.163.600.000	1,81
1.30	STB	1.487.300	36.900	54.881.370.000	8,88
1.31	SZC	141.100	42.400	5.982.640.000	0,97
1.32	TDM	238.150	49.800	11.859.870.000	1,92
1.33	THG	191.865	49.500	9.497.317.500	1,54
1.34	TLG	185.130	65.900	12.200.067.000	1,97
1.35	VIB	890.370	19.700	17.540.289.000	2,84

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng VCBF

BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

B04-QM

STT	Loại tài sản	Số lượng	Giá thị trường tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 VNĐ	Tổng giá trị VNĐ	Tỷ lệ trên tổng giá trị tài sản của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 (%)
II	Các loại chứng khoán khác			686.605.500	0,11
1	Quyền mua chứng khoán			686.605.500	0,11
1.1	MIG	610.316	1.125	686.605.500	0,11
III	Các tài sản khác			541.598.000	0,09
1	Dự thu cổ tức			541.598.000	0,09
IV	Tiền			31.376.825.925	5,08
1	Tiền gửi ngân hàng			31.376.825.925	5,08
1.1	- Tiền gửi thanh toán			31.376.825.925	5,08
V	Tổng giá trị danh mục			617.841.488.075	100,00

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 31 tháng 3 năm 2025


Bà Lê Văn
Trưởng phòng Dịch vụ Quỹ và Danh mục


Bà Nguyễn Thị Hằng Nga
Tổng Giám đốc


Bà Nguyễn Minh Hằng
Người lập biểu


Bà Trần Thị Hà Linh
Kế toán Trưởng

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng VCBF

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

B05-QM

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VNĐ	Năm trước VNĐ
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
01	1. Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp		103.914.054.944	79.780.152.567
02	2. Điều chỉnh cho các khoản giảm giá trị tài sản ròng từ các hoạt động đầu tư		(83.130.261.150)	(75.825.906.212)
03	Trong đó:			
	Lãi đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện	5	(83.058.981.150)	(75.818.406.212)
04	Chi phí trích trước		(71.280.000)	(7.500.000)
05	3. Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư trước thay đổi vốn lưu động		20.783.793.794	3.954.246.355
20	(Tăng)/giảm các khoản đầu tư		(184.327.905.000)	7.758.830.412
07	(Tăng)/giảm dự thu phải thu tiền lãi các khoản đầu tư		(156.893.252)	222.595.252
11	Tăng/(giảm) phải trả các Đại lý phân phối chứng chỉ quỹ		409.566.597	(96.087.906)
13	Tăng/(giảm) thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		42.352.647	(5.124.169)
14	Tăng phải trả cho Nhà đầu tư về mua chứng chỉ quỹ		1.410.235.223	484.493.453
15	Tăng phải trả cho nhà đầu tư về mua lại chứng chỉ quỹ		795.299.797	-
16	Tăng phải trả, phải nộp khác		27.000.000	-
17	Tăng/(giảm) phải trả dịch vụ quản lý Quỹ mở		610.936.915	(52.293.897)
19	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động đầu tư		(160.405.613.279)	12.266.659.500
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành chứng chỉ quỹ	11	328.843.788.806	83.324.536.122
32	2. Tiền chi mua lại chứng chỉ quỹ	11	(142.271.585.638)	(95.988.013.552)
30	Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động tài chính		186.572.203.168	(12.663.477.430)
40	III. TĂNG/(GIẢM) TIỀN THUẦN TRONG NĂM		26.166.589.889	(396.817.930)

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng VCBF

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

B05-QM

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VNĐ	Năm trước VNĐ
50	IV. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU NĂM	4	5.210.236.036	5.607.053.966
51	Tiền gửi ngân hàng đầu năm:		5.210.236.036	5.607.053.966
52	- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động quỹ mở		4.485.822.583	5.367.133.966
	Trong đó:			
	Tiền gửi ngân hàng kỳ hạn dưới ba (3) tháng		2.029.742.742	-
	Tiền gửi không kỳ hạn cho hoạt động của Quỹ		2.456.079.841	5.367.133.966
53	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua và mua lại chứng chỉ quỹ		724.413.453	239.920.000
55	V. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	4	31.376.825.925	5.210.236.036
56	Tiền gửi ngân hàng cuối năm:		31.376.825.925	5.210.236.036
57	- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động quỹ mở		23.729.642.948	4.485.822.583
	Trong đó:			
	Tiền gửi không kỳ hạn cho hoạt động của Quỹ		23.729.642.948	2.456.079.841
	Tiền gửi có kỳ hạn dưới ba (3) tháng		-	2.029.742.742
58	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua và mua lại chứng chỉ quỹ		7.647.182.977	724.413.453
60	VI. CHÊNH LỆCH TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN TRONG NĂM		26.166.589.889	(396.817.930)

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 31 tháng 3 năm 2025

Bà Lê Vân
Trưởng phòng Dịch vụ Quỹ và Danh mục

Bà Nguyễn Thị Hằng Nga
Tổng Giám đốc

Bà Nguyễn Minh Hằng
Người lập biểu

Bà Trần Thị Hà Linh
Kế toán Trưởng

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

B06-QM

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

1.1 Thông tin về Quỹ

Quỹ

Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng VCBF ("Quỹ") được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức Quỹ mở theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 152/GCN-UBCK ngày 24 tháng 8 năm 2021 và Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ đại chúng số 48/GCN-UBCK ngày 2 tháng 12 năm 2021 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN") cấp. Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

Quỹ không có nhân viên và được quản lý bởi Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư chứng khoán Vietcombank ("Công ty Quản lý Quỹ").

Địa chỉ liên hệ của Quỹ: Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư chứng khoán Vietcombank, Tầng 15, Tòa nhà Vietcombank, 198 Trần Quang Khải, Phường Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Ngân hàng Giám sát và Lưu ký

Ngân hàng Giám sát và Lưu ký của Quỹ là Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam). Ngân hàng Giám sát và Lưu ký được chỉ định bởi Đại hội Nhà đầu tư, thực hiện lưu ký chứng khoán, lưu trữ các hợp đồng kinh tế và ghi nhận tài sản của Quỹ cũng như giám sát hoạt động của Quỹ. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát và Lưu ký được quy định tại Điều lệ Quỹ.

Công ty Quản lý Quỹ

Công ty Quản lý Quỹ được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 06/UBCK-GPHĐQLQ ngày 2 tháng 12 năm 2005 và các giấy phép điều chỉnh do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, lần điều chỉnh gần nhất là Giấy phép điều chỉnh số 32/GPĐC-UBCK ngày 14 tháng 5 năm 2024. Công ty Quản lý Quỹ được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0101842669 lần gần nhất vào ngày 11 tháng 7 năm 2024 (đăng ký lần đầu ngày 2 tháng 12 năm 2005), và là đại diện theo ủy quyền của Quỹ, thay mặt cho Quỹ để thực hiện quyền sở hữu đối với tài sản của Quỹ một cách trung thực và cẩn trọng. Công ty Quản lý Quỹ tuân thủ các quy định của pháp luật và điều lệ của Công ty Quản lý Quỹ, thực hiện việc quản lý tài sản của Quỹ theo quy định tại Điều lệ Quỹ, tuân thủ các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp, tự nguyện, công bằng, trung thực và vì lợi ích cao nhất của Quỹ.

1.2 Đặc điểm hoạt động chính của Quỹ

Quy mô vốn

Tổng số chứng chỉ quỹ đã phân phối lần đầu là 15.299.243,34 chứng chỉ với tổng giá trị là 152.992.433.400 đồng, chiếm 305,98% tổng số chứng chỉ quỹ dự kiến chào bán là 5.000.000 chứng chỉ quỹ với mệnh giá là 10.000 đồng/đơn vị quỹ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, vốn góp bằng mệnh giá của nhà đầu tư vào Quỹ là 457.748.664.200 đồng, tương đương với 45.774.866,42 chứng chỉ quỹ.

Mục tiêu đầu tư

Mục tiêu đầu tư của Quỹ chủ yếu là tăng trưởng tài sản đầu tư trong trung hạn và dài hạn thông qua phân bổ tỷ trọng đa số vào các cổ phiếu của các công ty có vốn hóa vừa và có tiềm năng tăng trưởng cao. Việc điều chỉnh mục tiêu đầu tư của Quỹ cần phải được Nhà đầu tư biểu quyết thông qua theo quy định tại Điều lệ Quỹ, và nếu được chấp thuận, các điều chỉnh này sẽ được cập nhật vào Bản cáo bạch của Quỹ.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

1.2 Đặc điểm hoạt động chính của Quỹ (tiếp theo)

Chiến lược đầu tư

Quỹ sẽ đầu tư chủ yếu vào danh mục đa dạng các cổ phiếu thỏa mãn các điều kiện được quy định về Phân bổ tài sản nhằm giảm thiểu rủi ro cho Quỹ.

Quỹ sẽ kết hợp cả chiến lược đầu tư tăng trưởng và chiến lược đầu tư giá trị. Trong việc tìm kiếm các đặc tính tăng trưởng bền vững, Quỹ đánh giá cơ hội thị trường trong dài hạn và tính cạnh tranh của từng ngành để nhắm đến các công ty đầu ngành và các công ty có triển vọng trở thành công ty đầu ngành. Trong việc đánh giá giá trị của công ty, Quỹ sẽ xem xét liệu giá chứng khoán đã phản ánh đầy đủ mối tương quan giữa cơ hội tăng trưởng bền vững với rủi ro kinh doanh và rủi ro tài chính hay chưa.

Quỹ sẽ sử dụng phương pháp tiếp cận từ dưới lên tức là từ phân tích các chỉ số cơ bản của công ty để lựa chọn cổ phiếu đầu tư và lựa chọn các công ty trong nhiều ngành khác nhau. Tỷ trọng ngành trong danh mục đầu tư của Quỹ là kết quả của quy trình phân tích cơ bản công ty và vì vậy có thể khác với tỷ trọng ngành trong chỉ số tham chiếu.

Kỳ tính giá trị tài sản ròng ("NAV")

NAV của Quỹ phải được xác định hàng tuần vào Ngày Giao Dịch hoặc những ngày mà NAV của Quỹ được xác định cho mục đích báo cáo (tuần, tháng, quý, năm) hoặc các mục đích khác.

Tần suất giao dịch chứng chỉ quỹ

Tần suất giao dịch chứng chỉ quỹ là định kỳ vào ngày thứ Ba, thứ Năm hàng tuần nếu ngày đó là ngày làm việc. Nếu ngày thứ Ba, thứ Năm không phải là ngày làm việc thì ngày giao dịch sẽ là ngày làm việc vào thứ Ba, thứ Năm tiếp theo.

Hạn chế đầu tư

Các khoản đầu tư của Quỹ sẽ được đa dạng hóa và đáp ứng được các điều kiện của Luật hiện hành. Cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ phải bảo đảm tuân thủ các nguyên tắc và các hạn mức đầu tư sau:

- a) Trừ tiền gửi trên tài khoản thanh toán của Quỹ tại Ngân hàng Giám sát, Quỹ không được đầu tư quá 49% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản gồm: tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật ngân hàng; công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật;
- b) Không được đầu tư vào chứng khoán của một tổ chức phát hành quá 10% tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó, trừ công cụ nợ của Chính phủ;
- c) Không được đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào chứng khoán đang lưu hành và các tài sản (nếu có) dưới đây của một tổ chức phát hành, trừ công cụ nợ của Chính phủ:
 - i. Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật ngân hàng;
 - ii. Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật;

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

1.2 Đặc điểm hoạt động chính của Quỹ (tiếp theo)

Hạn chế đầu tư (tiếp theo)

- d) Không được đầu tư quá 30% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản dưới đây được phát hành bởi các công ty trong cùng một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau thuộc các trường hợp sau đây: công ty mẹ, công ty con; các công ty sở hữu trên 35% cổ phần, phần vốn góp của nhau; nhóm công ty con có cùng một công ty mẹ. Trong đó phần đầu tư vào chứng khoán phái sinh tính bằng giá trị cam kết của hợp đồng xác định theo quy định tại phụ lục số 14 ban hành kèm theo Thông tư số 98/2020/TT-BTC hướng dẫn về hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán:
 - i. Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật ngân hàng;
 - ii. Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật;
 - iii. Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, chứng chỉ quỹ đại chúng;
 - iv. Cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành tối thiểu một (01) lần trong mười hai (12) tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu 30% giá trị đợt phát hành. Việc đầu tư vào các tài sản này phải được Ban Đại Diện quỹ chấp thuận bằng văn bản về loại, mã chứng khoán, số lượng, giá trị giao dịch, thời điểm thực hiện; và có đủ tài liệu chứng minh về bảo lãnh thanh toán hoặc tài liệu về cam kết mua lại của tổ chức phát hành;
- e) Không được đầu tư quá 10% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào tài sản là cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành tối thiểu một (01) lần trong mười hai (12) tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu 30% giá trị đợt phát hành;
- f) Tổng giá trị các hạng mục đầu tư lớn trong danh mục đầu tư của Quỹ không được vượt quá 40% tổng giá trị tài sản của Quỹ. Trong đó, hạng mục đầu tư lớn của Quỹ là hạng mục đầu tư vào các loại tài sản dưới đây (ngoại trừ chứng chỉ tiền gửi) phát hành bởi cùng một tổ chức, có tổng giá trị chiếm từ 5% trở lên tổng giá trị tài sản của Quỹ:
 - i. Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật;
 - ii. Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, chứng chỉ quỹ đại chúng;
 - iii. Cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành tối thiểu một (01) lần trong mười hai (12) tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu 30% giá trị đợt phát hành. Việc đầu tư vào các tài sản này phải được Ban Đại Diện quỹ chấp thuận bằng văn bản về loại, mã chứng khoán, số lượng, giá trị giao dịch, thời điểm thực hiện; và có đủ tài liệu chứng minh về bảo lãnh thanh toán hoặc tài liệu về cam kết mua lại của tổ chức phát hành;
 - iv. Quyền phát sinh gắn liền với chứng khoán mà Quỹ đang nắm giữ;

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

1.2 Đặc điểm hoạt động chính của Quỹ (tiếp theo)

Hạn chế đầu tư (tiếp theo)

- g) Tại mọi thời điểm, tổng dư nợ vay và các khoản phải trả của quỹ không được vượt quá giá trị tài sản ròng của Quỹ;
- h) Không được đầu tư vào Chứng Chỉ Quỹ của Quỹ VCBF - MGF;
- i) Chỉ được đầu tư vào chứng chỉ quỹ đại chúng khác, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng do công ty quản lý quỹ khác quản lý và bảo đảm các hạn chế sau:
 - Không đầu tư vào quá 10% tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một quỹ đại chúng, cổ phiếu đang lưu hành của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
 - Không đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của quỹ vào chứng chỉ quỹ của một quỹ đại chúng, cổ phiếu của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
 - Không đầu tư quá 30% tổng giá trị tài sản của quỹ vào các chứng chỉ quỹ đại chúng, cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
- j) Không được đầu tư trực tiếp vào bất động sản, đá quý, kim loại quý hiếm;
- k) Phải có chứng khoán của ít nhất 06 tổ chức phát hành, trừ trường hợp quỹ trái phiếu;
- l) Quỹ chỉ được đầu tư tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi phát hành bởi các tổ chức tín dụng trong danh sách đã được Ban Đại Diện Quỹ phê duyệt.

Cơ cấu đầu tư của Quỹ chỉ được vượt mức so với các hạn chế đầu tư đã quy định tại Khoản (a), (b), (c), (d), (e), (f) và (i) nêu trên và chỉ do các nguyên nhân sau:

- (i) Biến động giá trên thị trường của các tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ;
- (ii) Thực hiện các khoản thanh toán của Quỹ theo quy định của pháp luật, bao gồm việc thực hiện lệnh giao dịch của nhà đầu tư;
- (iii) Hoạt động chia, tách, hợp nhất, sáp nhập các tổ chức phát hành;
- (iv) Quỹ mới được cấp phép thành lập hoặc do tách quỹ, hợp nhất quỹ, sáp nhập quỹ mà thời gian hoạt động chưa quá sáu (06) tháng, tính từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ hoặc Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ điều chỉnh; hoặc
- (v) Quỹ đang trong thời gian giải thể.

Trong trường hợp xảy ra sai lệch so với các hạn mức đầu tư vì các lý do quy định tại điểm (i), (ii), (iii), (iv) nêu trên, Công ty Quản lý Quỹ có nghĩa vụ thông báo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và điều chỉnh lại cơ cấu danh mục đầu tư để đáp ứng các hạn mức đầu tư như được quy định trong vòng 3 (ba) tháng kể từ ngày có sai lệch phát sinh.

Trong trường hợp sai lệch phát sinh vì Công ty Quản lý Quỹ không tuân thủ các hạn mức đầu tư như quy định bởi pháp luật hoặc Điều lệ hoặc Bản cáo bạch, Công ty Quản lý Quỹ phải điều chỉnh danh mục đầu tư trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày phát hiện ra sai lệch. Công ty Quản lý Quỹ phải bồi thường thiệt hại cho Quỹ (nếu có) và chịu mọi chi phí phát sinh liên quan đến việc điều chỉnh lại danh mục đầu tư. Nếu phát sinh lợi nhuận, phải hạch toán ngay mọi khoản lợi nhuận đã có được cho Quỹ.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

1.2 Đặc điểm hoạt động chính của Quỹ (tiếp theo)

Hạn chế đầu tư (tiếp theo)

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày hoàn tất việc điều chỉnh lại danh mục đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ phải công bố thông tin theo quy định, đồng thời thông báo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về các sai lệch cơ cấu danh mục đầu tư, nguyên nhân, thời điểm phát sinh hoặc phát hiện ra sự việc, mức độ thiệt hại và bồi thường thiệt hại cho quỹ (nếu có) hoặc lợi nhuận tạo cho quỹ (nếu có), biện pháp khắc phục, thời gian thực hiện, kết quả khắc phục.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1 Chuẩn mực và Hệ thống kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Quỹ được lập theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở được quy định tại Thông tư số 198/2012/TT-BTC ("Thông tư 198") ngày 15 tháng 11 năm 2012 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở, Thông tư số 98/2020/TT-BTC ("Thông tư 98") ngày 16 tháng 11 năm 2020 hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2015 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục do Bộ Tài chính ban hành.

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở giá gốc, ngoại trừ các khoản đầu tư được đo lường theo giá trị hợp lý (*Thuyết minh 3.4*).

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính và danh mục đầu tư, kết quả thu nhập, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

Theo Thông tư 198, báo cáo tài chính của Quỹ bao gồm:

1. Báo cáo thu nhập
2. Báo cáo tình hình tài chính
3. Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ
4. Báo cáo danh mục đầu tư
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
6. Thuyết minh báo cáo tài chính.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Quỹ là Nhật ký Chung.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán của Quỹ áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.4 *Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán*

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Quỹ là đồng Việt Nam ("VNĐ").

2.5 *Cam kết tuân thủ*

Ban Điều hành Công ty Quản lý Quỹ cam kết đã lập báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của quỹ mở.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 *Các thay đổi trong chính sách kế toán và thuyết minh*

Các chính sách kế toán của Quỹ sử dụng để lập báo cáo tài chính được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

3.2 *Ước tính kế toán*

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của quỹ mở yêu cầu Ban Điều hành của Công ty Quản lý Quỹ phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Điều hành của Công ty Quản lý Quỹ, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3 *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ, tiền gửi của Nhà đầu tư về mua, bán chứng chỉ quỹ chờ xử lý, tiền gửi tại các tổ chức tín dụng có thời hạn đáo hạn không quá ba (3) tháng kể từ ngày gửi và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba (3) tháng, có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là mục đích khác.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.4 Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư của Quỹ bao gồm các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết và các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên ba (3) tháng.

Nguyên tắc phân loại

Quỹ phân loại chứng khoán niêm yết được mua với mục đích kinh doanh là chứng khoán kinh doanh.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc chỉ bao gồm giá mua mà không bao gồm các chi phí liên quan phát sinh để có được các khoản đầu tư.

Đối với các khoản đầu tư vào trái phiếu, chứng chỉ tiền gửi và tiền gửi ngân hàng, giá mua chưa bao gồm lãi dự thu (giá sạch) được ghi nhận trên khoản mục “*Các khoản đầu tư*”. Phần lãi dự thu chưa được thanh toán tính đến ngày mua được ghi nhận trên khoản mục “*Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận*” trên báo cáo tình hình tài chính.

Ghi nhận tiếp theo

Các khoản đầu tư được ghi nhận trên khoản mục “*Các khoản đầu tư*” trên báo cáo tình hình tài chính theo nguyên tắc như sau:

- ▶ Chứng chỉ tiền gửi và tiền gửi có kỳ hạn trên ba (3) tháng được ghi nhận theo giá trị hợp lý;
- ▶ Chứng khoán niêm yết, chưa niêm yết và các tài sản khác được ghi nhận theo giá trị hợp lý của các tài sản này.

Lợi nhuận thuần nhận được từ các khoản đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào báo cáo thu nhập.

Các khoản lãi lũy kế chưa thanh toán của các khoản tiền gửi, tín phiếu kho bạc, hối phiếu ngân hàng, thương phiếu, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, trái phiếu và các công cụ nợ khác được ghi nhận tại khoản mục “*Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư*” trên báo cáo tình hình tài chính.

Định giá lại cho mục đích tính toán giá trị tài sản ròng của Quỹ

Các khoản đầu tư được đánh giá lại vào các ngày định giá theo giá trị hợp lý. Phương pháp đánh giá lại các khoản đầu tư được quy định trong Sổ tay Định giá được xây dựng phù hợp với phương pháp xác định giá trị tài sản quy định tại Điều lệ Quỹ và Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và được Ban Đại diện Quỹ và Ngân hàng Giám sát phê duyệt. Các khoản lãi hoặc lỗ do đánh giá lại khoản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo thu nhập theo quy định tại Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.4 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Nguyên tắc định giá

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ		
1.	Tiền (VND)	Số dư tiền mặt tại ngày trước Ngày Định Giá.
2.	Ngoại tệ	Giá trị quy đổi ra VND theo tỷ giá hiện hành tại các tổ chức tín dụng được phép kinh doanh ngoại hối tại ngày trước Ngày Định Giá.
3.	Tiền gửi kỳ hạn	Tiền gốc cộng lãi chưa được thanh toán tính tới ngày trước Ngày Định Giá.
4.	Tín phiếu kho bạc, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng và các công cụ thị trường tiền tệ khác	Giá mua cộng với lãi lũy kế tính tới ngày trước Ngày Định Giá.
5.	Các công cụ không trả lãi bao gồm tín phiếu, trái phiếu, giấy tờ có giá và các công cụ không trả lãi khác	Giá thị trường là giá yết trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán; trường hợp không có giá yết thì mức giá được xác định theo mô hình chiết khấu dòng tiền căn cứ vào lãi suất trung thầu hoặc một lãi suất khác do Ban Đại Diện Quỹ quy định và thời gian nắm giữ công cụ (được chi tiết trong sổ tay định giá).
6.	Trái phiếu niêm yết	- Giá thị trường là giá yết bình quân gia quyền (giá sạch) trên hệ thống giao dịch (hoặc tên gọi khác tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán) của giao dịch thông thường tại ngày có giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá cộng lãi lũy kế; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến Ngày Định Giá (không tính bao gồm Ngày Định Giá), hoặc trong các trường hợp khác được chi tiết trong sổ tay định giá, là một trong các mức giá sau: + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận (được chi tiết trong sổ tay định giá); hoặc + Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc + Mệnh giá cộng lãi lũy kế. Trường hợp trái phiếu hủy niêm yết để làm thủ tục đáo hạn, giá tính theo phương pháp mệnh giá cộng lãi lũy kế.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.4 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Nguyên tắc định giá (tiếp theo)

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Trái phiếu (tiếp theo)		
7.	Trái phiếu không niêm yết	- Giá yết (giá sạch – clean price) (nếu có) trên các hệ thống báo giá cộng lãi lũy kế tính tới ngày trước Ngày Định Giá; hoặc - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận (được chi tiết trong sổ tay định giá); hoặc - Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc - Mệnh giá cộng lãi lũy kế. Trường hợp trái phiếu chính phủ/trái phiếu chính phủ bảo lãnh/trái phiếu chính quyền địa phương đấu thầu đang chờ niêm yết, giá tính theo phương pháp giá mua cộng lãi lũy kế.
Cổ phiếu		
8.	Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch	- Giá thị trường là giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán) của ngày có giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá. - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến Ngày Định Giá (không tính bao gồm Ngày Định Giá) hoặc không có giao dịch nào từ ngày có quyết định niêm yết đến Ngày Định Giá, là một trong các mức giá sau: + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận (được chi tiết trong sổ tay định giá); hoặc + Giá mua; hoặc + Giá trị sổ sách. Trong thời gian chứng khoán đang làm thủ tục chuyển sàn thì dùng giá của ngày có giao dịch gần nhất trên sàn cũ.
9.	Cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch	Là một trong các mức giá sau: - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận (được chi tiết trong sổ tay định giá); hoặc - Giá trị sổ sách; hoặc - Mệnh giá
10.	Cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản	Là một trong các mức giá sau: - 80% (tám mươi phần trăm) giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất trước Ngày Định Giá; hoặc - Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.

11/11/2024

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.4 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Nguyên tắc định giá (tiếp theo)

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Cổ phiếu (tiếp theo)		
11.	Cổ phần, phần vốn góp khác	- Giá thị trường là giá trung bình của các giao dịch thực hiện thành công tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá dựa trên báo giá của 03 tổ chức báo giá không phải là người có liên quan của VCBF. - Trường hợp không có đủ báo giá của ba (03) tổ chức báo giá, sử dụng một trong các phương pháp sau: + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận (được chi tiết trong sổ tay định giá); hoặc + Giá mua/giá trị vốn góp; hoặc + Giá trị sổ sách.
12.	Quyền mua cổ phiếu	Giá trị quyền mua = $\text{Max}\{0; (\text{Giá cổ phiếu} - \text{Giá phát hành cổ phiếu mới}) \times \text{tỷ lệ thực hiện quyền}\}$ Trong đó: Tỷ lệ thực hiện quyền = $\frac{\text{Số cổ phiếu được mua}}{\text{Số lượng quyền mua sở hữu}}$
Các tài sản khác		
13.	Chứng chỉ quỹ đại chúng niêm yết	- Giá thị trường là giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở Giao dịch chứng khoán) của ngày có giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá. - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn mười lăm (15) ngày tính đến Ngày Định Giá (không tính bao gồm Ngày Định Giá), ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống một trong các mức giá sau: + Giá NAV/đơn vị quỹ của quỹ đại chúng được công bố bởi công ty quản lý quỹ đại chúng đó tại ngày giao dịch chứng chỉ quỹ gần nhất trước Ngày Định Giá; + Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.4 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Nguyên tắc định giá (tiếp theo)

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Các tài sản khác (tiếp theo)		
14.	Chứng chỉ quỹ đại chúng không niêm yết	- Giá thị trường là giá NAV/đơn vị quỹ của quỹ đại chúng được công bố bởi công ty quản lý quỹ đại chúng đó tại ngày giao dịch chứng chỉ quỹ gần nhất trước Ngày Định Giá; - Trong trường hợp không xác định được giá NAV, mức giá được xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.
15.	Các tài sản được phép đầu tư khác	Giá thị trường là giá trung bình của các giao dịch thực hiện thành công tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá do các tổ chức báo giá cung cấp. Trường hợp không có báo giá thì mức giá được xác định theo phương pháp được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận được nêu chi tiết trong sổ tay định giá.

Chấm dứt ghi nhận

Các khoản đầu tư chứng khoán được chấm dứt ghi nhận khi quyền được nhận luồng tiền từ khoản đầu tư chứng khoán đó đã chấm dứt hoặc Quỹ đã không còn nắm giữ phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chứng khoán.

Lãi/(lỗ) từ hoạt động bán các khoản đầu tư thể hiện phần chênh lệch giữa giá bán và giá vốn của các khoản đầu tư được tính theo phương pháp bình quân gia quyền tại ngày giao dịch.

3.5 Giá trị tài sản ròng và giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ

Giá trị tài sản ròng của Quỹ tại ngày định giá được xác định bằng tổng giá trị các tài sản do Quỹ sở hữu trừ đi tổng nợ phải trả có liên quan (như giá dịch vụ quản lý, giá dịch vụ giám sát, giá dịch vụ lưu ký, giá dịch vụ quản trị quỹ, giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng và các khoản phải trả khác) tính đến ngày trước ngày định giá.

Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ bằng giá trị tài sản ròng của Quỹ chia cho tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá và được làm tròn xuống đến hai (2) số thập phân.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.6 Các giao dịch về vốn và thặng dư vốn

3.6.1 Vốn chủ sở hữu

Các chứng chỉ quỹ với quyền hưởng cổ tức được phân loại thành vốn góp của nhà đầu tư, trong đó bao gồm vốn góp phát hành và vốn góp mua lại.

Vốn góp phát hành phản ánh số vốn nhà đầu tư góp ban đầu và góp bổ sung. Khi Công ty Quản lý Quỹ nhận được kết quả giải tòa phong tỏa về số tiền thu hợp lệ khoản góp vốn đầu tư và kết quả xác nhận vốn góp nhà đầu tư hợp lệ của đại lý chuyển nhượng (trường hợp phát hành lần đầu); giấy báo có của Ngân hàng Giám sát kèm bảng phân bổ tiền thu bán chứng chỉ quỹ về số tiền thu hợp lệ của các nhà đầu tư (trường hợp phát hành các lần tiếp theo), Công ty Quản lý Quỹ sử dụng để làm căn cứ ghi nhận vốn góp phát hành.

Vốn góp mua lại phản ánh việc mua lại chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư. Căn cứ vào xác nhận của đại lý chuyển nhượng kèm bảng tổng hợp các lệnh mua lại chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ ghi nhận vốn góp mua lại.

Chênh lệch giữa vốn góp phát hành và vốn góp mua lại chính là vốn góp của nhà đầu tư.

Thặng dư vốn bao gồm: thặng dư vốn phát hành và thặng dư vốn mua lại.

- ▶ Thặng dư vốn phát hành là chênh lệch giữa giá phát hành chứng chỉ quỹ và mệnh giá.
- ▶ Thặng dư vốn mua lại là chênh lệch giữa giá mua lại chứng chỉ quỹ và mệnh giá.

3.6.2 Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối phản ánh lãi/lỗ chưa phân phối tại thời điểm báo cáo, bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện.

Lợi nhuận đã thực hiện là số chênh lệch giữa tổng thu nhập, doanh thu với tổng các khoản chi phí của Quỹ lũy kế phát sinh trong năm.

Lợi nhuận chưa thực hiện là số chênh lệch giữa tổng giá trị lãi và lỗ đánh giá lại của các khoản đầu tư thuộc danh mục đầu tư của Quỹ lũy kế phát sinh trong năm.

Cuối năm tài chính, Quỹ xác định lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện trong năm và ghi nhận vào "*Lợi nhuận chưa phân phối*".

3.6.3 Lợi nhuận/tài sản phân phối cho nhà đầu tư

Khoản mục này phản ánh số lợi nhuận/tài sản đã phân phối trong năm cho nhà đầu tư và việc kết chuyển số lợi nhuận đã phân phối sang tài khoản "*Lợi nhuận chưa phân phối*" vào cuối năm.

Quỹ mở ghi nhận lợi nhuận/tài sản phân phối cho nhà đầu tư theo Nghị quyết của Đại hội Nhà đầu tư, Quyết định của Ban Đại diện Quỹ được ủy quyền (ở kỳ gần nhất), phù hợp với Điều lệ của Quỹ mở và quy định của pháp luật chứng khoán hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank

Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.7 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ bán các khoản đầu tư, cổ tức, tiền lãi từ các khoản đầu tư và các khoản phải thu khác.

Các khoản nợ phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết.

Mức trích lập dự phòng được thực hiện như sau:

<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Mức trích dự phòng</u>
Từ trên sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ một (1) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Từ ba (3) năm trở lên	100%

3.8 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá gốc của các khoản phải trả cho hoạt động mua bán chứng chỉ quỹ, phải trả cho hoạt động kinh doanh chứng khoán, phải trả thù lao Ban Đại diện Quỹ, phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát và các khoản phải trả khác.

3.9 Các khoản chi phí

Các khoản chi phí được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Quỹ phát sinh một số chi phí chủ yếu như sau:

3.9.1 Giá dịch vụ quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán đại chúng

Giá dịch vụ quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán bao gồm Giá dịch vụ quản lý quỹ, Giá dịch vụ quản trị quỹ và Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng. Theo quy định của Thông tư số 102/2021/TT-BTC ngày 17 tháng 11 năm 2021 quy định giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán áp dụng tại các tổ chức kinh doanh chứng khoán, ngân hàng thương mại tham gia vào thị trường chứng khoán Việt Nam, Giá dịch vụ quản lý quỹ đầu tư đại chúng mà Quỹ phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ tối đa là 2% giá trị tài sản ròng ("NAV") của Quỹ/năm.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank

Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.9 Các khoản chi phí (tiếp theo)

3.9.1 Giá dịch vụ quản lý danh mục đầu tư (tiếp theo)

(i) Giá dịch vụ quản lý quỹ

Giá dịch vụ quản lý quỹ hằng năm tối đa sẽ là 1,9% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quỹ, được ghi nhận vào chi phí của Quỹ tại mỗi kỳ định giá, và được thanh toán hàng tháng cho Công ty Quản lý Quỹ. Mức giá dịch vụ quản lý quỹ cụ thể sẽ được VCBF công bố tùy theo từng thời điểm trên website của mình.

(ii) Giá dịch vụ quản trị quỹ

Từ sau ngày 1 tháng 7 năm 2022 đến hết ngày 31 tháng 1 năm 2023, thì giá dịch vụ quản trị quỹ là 0,05% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quỹ, với mức tối thiểu là 11.000.000 đồng một tháng. Từ ngày 1 tháng 2 năm 2023, giá dịch vụ quản trị quỹ là 0,05% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quỹ, với mức tối thiểu là 31.000.000 đồng một tháng. Mức giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng. Giá dịch vụ quản trị quỹ được ghi nhận vào chi phí của Quỹ tại mỗi kỳ định giá và được thanh toán hàng tháng cho tổ chức cung cấp dịch vụ quản trị quỹ.

(iii) Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng

Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng là 10.000.000 đồng một tháng. Mức giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng. Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng được ghi nhận vào chi phí của Quỹ tại mỗi kỳ định giá, và được thanh toán hàng tháng cho đại lý chuyển nhượng.

3.9.2 Giá dịch vụ giám sát

Giá dịch vụ giám sát là 0,04% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quỹ với mức tối thiểu là 16.000.000 đồng một tháng. Mức giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng. Giá dịch vụ giám sát được ghi nhận vào chi phí của Quỹ tại mỗi kỳ định giá và được thanh toán hàng tháng cho Ngân hàng Giám sát.

3.9.3 Giá dịch vụ lưu ký

Giá dịch vụ lưu ký là 0,03% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quỹ với mức tối thiểu là 11.000.000 đồng một tháng. Giá dịch vụ trên không bao gồm các phí lưu ký phải thanh toán cho Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng Khoán Việt Nam, chi phí giao dịch và đăng ký chứng khoán. Giá dịch vụ lưu ký được ghi nhận vào chi phí của Quỹ tại mỗi kỳ định giá và được thanh toán hàng tháng cho Ngân hàng Giám sát.

3.9.4 Giá dịch vụ giao dịch chứng khoán

Quỹ có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng Giám sát một khoản giá dịch vụ giao dịch chứng khoán là 220.000 VNĐ/giao dịch.

3.9.5 Giá dịch vụ lập báo cáo tài chính

Giá dịch vụ lập báo cáo tài chính cho quỹ là 36.000.000 đồng một năm, tương đương với 3.000.000 đồng một tháng. Mức giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng. Giá dịch vụ lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào chi phí của Quỹ tại mỗi kỳ định giá và được thanh toán hàng tháng cho Ngân hàng Giám sát.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.10 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Quỹ có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản cổ tức của Quỹ với tư cách là nhà đầu tư được xác lập.

Nhận cổ tức bằng cổ phiếu, Quỹ chỉ ghi nhận số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu được nhận.

Tiền lãi (bao gồm lãi tiền gửi, lãi chứng chỉ tiền gửi và lãi trái phiếu)

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo thu nhập khi nhận được Thông báo kết quả giao dịch chứng khoán đã được kiểm tra bởi Ngân hàng Giám sát (đối với chứng khoán đã niêm yết) và khi hoàn tất hợp đồng chuyển nhượng tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

3.11 Thuế

Theo các quy định hiện hành tại Việt Nam, Quỹ không phải trả thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, Quỹ có trách nhiệm khấu trừ thuế của các cá nhân và tổ chức tham gia trong các giao dịch sau:

Giao dịch trả cổ tức cho nhà đầu tư

Khi Quỹ trả cổ tức cho nhà đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ phải tuân thủ quy định khấu trừ và nộp thuế theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014, Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2013, Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2015 hướng dẫn thực hiện thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân cư trú có hoạt động kinh doanh; hướng dẫn thực hiện một số nội dung sửa đổi, bổ sung về thuế thu nhập cá nhân quy định tại luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế số 71/2014/QH13 và Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 2 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về thuế, Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2015 hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 2 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế và sửa đổi bổ sung một số điều của các nghị định về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014, Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25 tháng 8 năm 2014, Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10 tháng 10 năm 2014 của Bộ Tài chính, Công văn số 10945/BTC-TCT ngày 19 tháng 8 năm 2010 về chính sách thuế đối với việc chia cổ tức cho tổ chức đầu tư.

Theo đó, khi Quỹ trả cổ tức cho các nhà đầu tư là tổ chức, không phân biệt tổ chức đầu tư trong nước hoặc nước ngoài, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ số thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% số cổ tức được chi trả (ngoại trừ phần lợi nhuận được phân phối mà đã chịu thuế thu nhập doanh nghiệp ở khâu trước và lãi trái phiếu thu được từ trái phiếu thuộc diện miễn thuế theo quy định của pháp luật). Đồng thời, khi Quỹ trả cổ tức cho nhà đầu tư là cá nhân, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ số thuế thu nhập cá nhân bằng 5% số cổ tức được chi trả.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.11 Thuế (tiếp theo)

Giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ

Công ty Quản lý Quỹ cũng có nghĩa vụ khấu trừ và nộp thuế đối với giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ cá nhân (trong nước và nước ngoài) và giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ những tổ chức được phân loại là tổ chức nước ngoài theo quy định về quản lý ngoại hối. Mức thuế áp dụng là thuế cho việc chuyển nhượng chứng khoán bằng 0,1% trên giá trị chuyển nhượng theo Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2013, Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014, Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 8 năm 2014, Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2015, Thông tư số 25/2018/TT-BTC ngày 16 tháng 3 năm 2018 và các thông tư sửa đổi bổ sung do Bộ Tài chính ban hành.

Công ty Quản lý Quỹ không giữ lại tiền thuế đối với giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ nhà đầu tư là tổ chức trong nước do đó tổ chức trong nước tự chịu trách nhiệm kê khai và nộp thuế đối với phần thu nhập phát sinh từ giao dịch mua lại này.

3.12 Các bên liên quan

Các bên/người được xem là có liên quan nếu một bên/người có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc đưa ra các quyết định tài chính và hoạt động kinh doanh. Các bên cũng được xem là có liên quan nếu các bên cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc cùng chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Các Quỹ đầu tư khác dưới sự quản lý của Công ty Quản lý Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ, các cổ đông của Công ty Quản lý Quỹ, những chức danh quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ, thành viên Ban Đại diện Quỹ, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan với Quỹ. Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải chỉ là hình thức pháp lý.

3.13 Các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính

Các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính theo định nghĩa trong Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở trình bày trong thuyết minh tương ứng của báo cáo tài chính này.

3.14 Công cụ tài chính

Công cụ tài chính - Ghi nhận ban đầu và trình bày

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 11 năm 2009 hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Quỹ quyết định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua, không bao gồm các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Quỹ bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, chứng khoán niêm yết và các khoản đầu tư khác, các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư, và các khoản phải thu khác.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank

Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.14 Công cụ tài chính (tiếp theo)

Công cụ tài chính - Ghi nhận ban đầu và trình bày

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, hoặc các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Quỹ xác định việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá trừ các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Quỹ bao gồm các khoản phải trả cho các Đại lý phân phối chứng chỉ quỹ, chi phí phải trả, phải trả cho nhà đầu tư về mua và mua lại chứng chỉ quỹ, phải trả dịch vụ quản lý quỹ mở và phải trả, phải nộp khác.

Công cụ tài chính - Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, Thông tư 210 không có hướng dẫn về việc xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu. Quỹ sử dụng phương pháp và các giả định như tại *Thuyết minh* 23 để ước tính giá trị hợp lý của công cụ tài chính.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán nếu, và chỉ nếu, Quỹ có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

3.15 Số dư bằng không

Các khoản mục hay số dư được quy định trong Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 về Chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở không được thể hiện trong báo cáo tài chính này thì được hiểu là có số dư bằng không.

4. TIỀN GỬI NGÂN HÀNG VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<i>Số cuối năm VNĐ</i>	<i>Số đầu năm VNĐ</i>
Tiền gửi tại Ngân hàng Giám sát và Lưu ký cho hoạt động của Quỹ mở	23.729.642.948	2.456.079.841
Tiền gửi của nhà đầu tư về mua và mua lại chứng chỉ quỹ	7.647.182.977	724.413.453
Tiền gửi có kỳ hạn dưới ba (3) tháng	-	2.029.742.742
	31.376.825.925	5.210.236.036

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

	Chênh lệch do đánh giá lại				Giá trị đánh giá lại VNĐ
	Giá mua VNĐ	Giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý VNĐ	Chênh lệch tăng VNĐ	Chênh lệch giảm VNĐ	Chênh lệch tăng thuần VNĐ
Ngày 31 tháng 12 năm 2024					
Cổ phiếu	488.919.039.588	585.236.458.650	106.323.927.062	(10.006.508.000)	96.317.419.062
Quyền mua chứng khoán (*)	-	686.605.500	686.605.500	-	686.605.500
	488.919.039.588	585.923.064.150	107.010.532.562	(10.006.508.000)	97.004.024.562
Ngày 31 tháng 12 năm 2023					
Cổ phiếu	304.591.134.588	318.307.770.500	35.210.576.412	(21.493.940.500)	13.716.635.912
Quyền mua chứng khoán	-	228.407.500	228.407.500	-	228.407.500
	304.591.134.588	318.536.178.000	35.438.983.912	(21.493.940.500)	318.536.178.000
Ảnh hưởng từ chênh lệch đánh giá lại các khoản đầu tư vào báo cáo thu nhập					83.058.981.150

(*) Theo thông báo số 1989/2024/TB-SGDHCM ngày 03/12/2024 do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh thông báo về ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền mua cổ phiếu mã MIG của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Quân đội. Theo đó, quyền mua cổ phiếu phát hành cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ thực hiện quyền 100:15 (1 cổ phiếu được hưởng 1 quyền, 100 quyền được mua 15 cổ phiếu mới). Ngày đăng ký cuối cùng là 10 tháng 12 năm 2024, thời gian đăng ký và đặt mua cổ phiếu từ ngày 18/12/2024 đến ngày 08/01/2025. Tại ngày phát hành báo cáo tài chính này, Quỹ đã thực hiện mua toàn bộ 610.316 cổ phiếu tương ứng với số quyền đang có tại ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

6. DỰ THU CỔ TỨC, TIỀN LÃI CHƯA ĐẾN NGÀY NHẬN

	<i>Số cuối năm VNĐ</i>	<i>Số đầu năm VNĐ</i>
Dự thu cổ tức	541.598.000	379.800.000
Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	-	4.904.748
	541.598.000	384.704.748

7. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	<i>Số cuối năm VNĐ</i>	<i>Số đầu năm VNĐ</i>
Thù lao Ban Đại diện Quỹ	27.000.000	-
Phí kiểm toán	-	71.280.000
	27.000.000	71.280.000

8. PHẢI TRẢ CHO NHÀ ĐẦU TƯ VỀ MUA CHỨNG CHỈ QUỸ

Là khoản tiền nhà đầu tư nộp mua chứng chỉ quỹ đang chờ hoàn thành giao dịch tại ngày kết thúc năm tài chính.

9. PHẢI TRẢ CHO NHÀ ĐẦU TƯ VỀ MUA LẠI CHỨNG CHỈ QUỸ

Là khoản tiền đang chờ hoàn thành thủ tục thanh toán cho nhà đầu tư tại ngày kết thúc năm tài chính.

10. PHẢI TRẢ DỊCH VỤ QUẢN LÝ QUỸ MỞ

	<i>Số cuối năm VNĐ</i>	<i>Số đầu năm VNĐ</i>
Phải trả dịch vụ quản lý quỹ	863.044.151	264.388.744
Phải trả dịch vụ quản trị quỹ	37.400.000	37.400.000
Phải trả dịch vụ giám sát	22.345.762	17.600.000
Phải trả dịch vụ lưu ký - bảo quản tài sản	15.235.746	11.000.000
Phải trả dịch vụ Đại lý chuyển nhượng	11.000.000	11.000.000
Phải trả dịch vụ lưu ký - giao dịch chứng khoán	4.400.000	1.100.000
	953.425.659	342.488.744

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

11. TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

	<i>Số dư đầu năm VNĐ</i>	<i>Phát sinh trong năm VNĐ</i>	<i>Số dư cuối năm VNĐ</i>
Vốn góp phát hành			
Số lượng (<i>chứng chỉ quỹ</i>)	44.069.271,71	26.935.534,09	71.004.805,80
Giá trị ghi theo mệnh giá	440.692.717.100	269.355.340.900	710.048.058.000
Thặng dư vốn	(3.318.505.796)	59.488.447.906	56.169.942.110
Tổng giá trị phát hành chứng chỉ quỹ	437.374.211.304	328.843.788.806	766.218.000.110
Vốn góp mua lại			
Số lượng (<i>chứng chỉ quỹ</i>)	(13.615.232,26)	(11.614.707,12)	(25.229.939,38)
Giá trị ghi theo mệnh giá	(136.152.322.600)	(116.147.071.200)	(252.299.393.800)
Thặng dư vốn	3.421.584.983	(26.124.514.438)	(22.702.929.455)
Tổng giá trị mua lại chứng chỉ quỹ	(132.730.737.617)	(142.271.585.638)	(275.002.323.255)
Số lượng chứng chỉ quỹ hiện hành	30.454.039,45	15.320.826,97	45.774.866,42
Giá trị vốn góp hiện hành	304.643.473.687	186.572.203.168	491.215.676.855
Lợi nhuận chưa phân phối	18.349.462.900	103.914.054.944	122.263.517.844
Giá trị tài sản ròng của Quỹ	322.992.936.587		613.479.194.699
Giá trị tài sản ròng trên 1 chứng chỉ quỹ	10.605,91		13.402,09

12. LỢI NHUẬN CHƯA PHÂN PHỐI

	<i>Số cuối năm VNĐ</i>	<i>Số đầu năm VNĐ</i>
Lợi nhuận đã thực hiện	25.259.493.282	4.404.419.488
Lợi nhuận chưa thực hiện	97.004.024.562	13.945.043.412
	122.263.517.844	18.349.462.900

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

13. TIỀN LÃI ĐƯỢC NHẬN

	Năm nay VNĐ	Năm trước VNĐ
Tiền lãi từ tiền gửi có kỳ hạn	144.538.909	93.211.515
Tiền lãi từ tiền gửi không kỳ hạn	23.095.807	6.200.879
	167.634.716	99.412.394

14. LÃI TỪ BÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

	Năm nay		
	Tổng giá trị bán trong năm VNĐ	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch VNĐ	Lãi bán chứng khoán trong năm VNĐ
Cổ phiếu	40.587.952.000	19.866.350.000	20.721.602.000
	Năm trước		
	Tổng giá trị bán trong năm VNĐ	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch VNĐ	Lãi bán chứng khoán trong năm VNĐ
Cổ phiếu	21.435.565.000	18.756.885.412	2.678.679.588

15. CHI PHÍ GIAO DỊCH MUA, BÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

	Năm nay VNĐ	Năm trước VNĐ
Chi phí giao dịch mua các khoản đầu tư	286.725.679	14.997.188
Chi phí giao dịch bán các khoản đầu tư	60.881.928	31.134.262
Chi phí giao dịch khác	85.331	125.457
	347.692.938	46.256.907

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

15. CHI PHÍ GIAO DỊCH MUA, BÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ (tiếp theo)

Trong năm 2024, giao dịch của Quỹ thực hiện qua các công ty chứng khoán sau:

STT (1)	Tên công ty chứng khoán (2)	Quan hệ với Công ty Quản lý Quỹ (3)	Tỷ lệ giao dịch của Quỹ qua từng công ty chứng khoán			Phí giao dịch bình quân (%)	Phí giao dịch bình quân trên thị trường (%)
			Giá trị giao dịch trong năm của Quỹ VNĐ (4)	Tổng giá trị giao dịch trong năm của Quỹ (*) VNĐ (5)	Tỷ lệ giao dịch của Quỹ qua công ty chứng khoán trong năm (%) (6)=(4)/(5)		
1	Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap	Không liên quan	52.227.190.000	240.002.207.000	21,76	0,15	0,00 - 0,45
2	Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt	Không liên quan	31.695.555.000	240.002.207.000	13,21	0,14	0,00 - 0,45
3	Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	Có liên quan	38.860.037.000	240.002.207.000	16,19	0,15	0,00 - 0,45
4	Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI	Không liên quan	44.639.100.000	240.002.207.000	18,60	0,15	0,00 - 0,45
5	Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh	Không liên quan	54.128.060.000	240.002.207.000	22,55	0,15	0,00 - 0,45
6	Công ty Cổ phần Chứng khoán MB	Không liên quan	18.452.265.000	240.002.207.000	7,69	0,10	0,00 - 0,45
	Tổng		240.002.207.000		100,00		

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

16. PHÍ DỊCH VỤ LƯU KÝ TÀI SẢN QUỸ MỞ

	Năm nay VNĐ	Năm trước VNĐ
Giá dịch vụ lưu ký - bảo quản tài sản	150.802.836	132.000.000
Giá dịch vụ lưu ký - giao dịch chứng khoán	47.740.000	6.160.000
Giá dịch vụ lưu ký cho chứng khoán cơ sở phải trả cho Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng Khoán Việt Nam	36.471.061	27.853.337
	235.013.897	166.013.337

17. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KHÁC

	Năm nay VNĐ	Năm trước VNĐ
Thù lao Ban Đại diện Quỹ	120.000.000	120.000.000
Phí ngân hàng	10.967.854	7.308.619
Phí thường niên trả cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước	7.500.000	7.500.000
	138.467.854	134.808.619

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

18. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG

Giá trị tài sản ròng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024:

Kỳ tính NAV	NAV VNĐ	Số lượng chứng chỉ quỹ	NAV/đơn vị quỹ tại ngày tính NAV VNĐ	Tăng/(giảm) NAV/đơn vị quỹ VNĐ
Kỳ cuối Tháng 12/2023	322.992.936.587	30.454.039,45	10.605,91	
Kỳ 1 Tháng 1/2024	322.973.179.521	30.454.039,45	10.605,26	(0,65)
Kỳ 2 Tháng 1/2024	323.835.290.437	30.214.032,04	10.718,04	112,78
Kỳ 3 Tháng 1/2024	327.346.159.441	30.310.615,34	10.799,72	81,68
Kỳ 4 Tháng 1/2024	328.458.980.967	30.466.142,39	10.781,11	(18,61)
Kỳ 5 Tháng 1/2024	325.557.472.068	30.507.954,14	10.671,23	(109,88)
Kỳ 6 Tháng 1/2024	329.424.559.189	30.450.343,43	10.818,41	147,18
Kỳ 7 Tháng 1/2024	332.980.932.338	30.191.605,28	11.028,92	210,51
Kỳ 8 Tháng 1/2024	332.930.532.479	30.195.449,95	11.025,85	(3,07)
Kỳ 9 Tháng 1/2024	337.966.304.099	30.364.425,06	11.130,33	104,48
Kỳ cuối Tháng 1/2024	338.212.941.777	30.493.261,08	11.091,39	(38,94)
Kỳ 1 Tháng 2/2024	345.966.508.652	30.567.840,52	11.317,98	226,59
Kỳ 2 Tháng 2/2024	352.491.408.215	30.836.605,01	11.430,94	112,96
Kỳ 3 Tháng 2/2024	354.930.831.465	30.986.543,04	11.454,35	23,41
Kỳ 4 Tháng 2/2024	364.812.839.447	31.648.975,78	11.526,84	72,49
Kỳ 5 Tháng 2/2024	366.914.342.649	31.867.216,32	11.513,84	(13,00)
Kỳ 6 Tháng 2/2024	375.043.751.244	32.160.553,86	11.661,60	147,76
Kỳ cuối Tháng 2/2024	380.051.864.604	32.412.548,01	11.725,45	63,85
Kỳ 1 Tháng 3/2024	386.764.967.488	32.412.548,01	11.932,56	207,11
Kỳ 2 Tháng 3/2024	391.965.610.365	33.025.743,51	11.868,48	(64,08)
Kỳ 3 Tháng 3/2024	388.342.951.695	33.216.478,29	11.691,27	(177,21)
Kỳ 4 Tháng 3/2024	409.190.105.704	33.837.567,58	12.092,77	401,50
Kỳ 5 Tháng 3/2024	405.761.924.271	34.053.459,71	11.915,43	(177,34)
Kỳ 6 Tháng 3/2024	411.317.515.772	34.147.868,70	12.045,18	129,75
Kỳ 7 Tháng 3/2024	411.870.701.026	34.285.020,19	12.013,13	(32,05)
Kỳ 8 Tháng 3/2024	421.444.161.499	34.577.495,28	12.188,39	175,26
Kỳ cuối Tháng 3/2024	424.928.366.340	34.748.094,32	12.228,82	40,43

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

18. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Giá trị tài sản ròng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo):

Kỳ tính NAV	NAV VNĐ	Số lượng chứng chỉ quỹ	NAV/đơn vị quỹ tại ngày tính NAV VNĐ	Tăng/(giảm) NAV/đơn vị quỹ VNĐ
Kỳ 1 Tháng 4/2024	424.808.802.890	34.748.094,32	12.225,38	(3,44)
Kỳ 2 Tháng 4/2024	428.721.514.681	35.366.249,71	12.122,33	(103,05)
Kỳ 3 Tháng 4/2024	417.581.463.281	35.529.999,75	11.752,92	(369,41)
Kỳ 4 Tháng 4/2024	425.329.495.674	35.884.806,29	11.852,63	99,71
Kỳ 5 Tháng 4/2024	415.156.108.256	36.171.815,44	11.477,33	(375,30)
Kỳ 6 Tháng 4/2024	413.327.033.933	36.574.177,10	11.301,06	(176,27)
Kỳ 7 Tháng 4/2024	427.441.556.593	36.961.097,66	11.564,63	263,57
Kỳ cuối Tháng 4/2024	430.603.812.355	37.098.111,40	11.607,16	42,53
Kỳ 1 Tháng 5/2024	430.578.235.385	37.098.111,40	11.606,47	(0,69)
Kỳ 2 Tháng 5/2024	441.580.211.099	37.227.300,75	11.861,73	255,26
Kỳ 3 Tháng 5/2024	447.472.643.694	37.374.832,42	11.972,56	110,83
Kỳ 4 Tháng 5/2024	448.959.012.050	37.699.460,47	11.908,89	(63,67)
Kỳ 5 Tháng 5/2024	458.070.480.362	37.839.635,71	12.105,57	196,68
Kỳ 6 Tháng 5/2024	465.987.683.538	37.966.338,80	12.273,70	168,13
Kỳ 7 Tháng 5/2024	469.849.930.836	38.170.572,58	12.309,21	35,51
Kỳ 8 Tháng 5/2024	474.821.638.182	38.634.142,80	12.290,20	(19,01)
Kỳ 9 Tháng 5/2024	477.111.163.947	38.679.187,14	12.335,08	44,88
Kỳ cuối Tháng 5/2024	477.812.647.282	38.681.213,12	12.352,57	17,49
Kỳ 1 Tháng 6/2024	485.092.686.253	38.681.213,12	12.540,78	188,21
Kỳ 2 Tháng 6/2024	491.745.939.861	39.131.838,29	12.566,38	25,60
Kỳ 3 Tháng 6/2024	496.382.335.235	39.110.135,44	12.691,91	125,53
Kỳ 4 Tháng 6/2024	504.461.334.751	39.339.338,72	12.823,33	131,42
Kỳ 5 Tháng 6/2024	496.041.533.337	39.322.036,93	12.614,84	(208,49)
Kỳ 6 Tháng 6/2024	505.237.325.865	39.578.440,80	12.765,46	150,62
Kỳ 7 Tháng 6/2024	495.965.213.573	39.780.052,78	12.467,68	(297,78)
Kỳ 8 Tháng 6/2024	503.089.261.289	40.173.869,04	12.522,79	55,11
Kỳ cuối Tháng 6/2024	500.767.150.832	40.404.431,36	12.393,86	(128,93)

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

18. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Giá trị tài sản ròng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo):

Kỳ tính NAV	NAV VNĐ	Số lượng chứng chỉ quỹ	NAV/đơn vị quỹ tại ngày tính NAV VNĐ	Tăng/(giảm) NAV/đơn vị quỹ VNĐ
Kỳ 1 Tháng 7/2024	503.402.062.287	40.404.431,36	12.459,08	65,22
Kỳ 2 Tháng 7/2024	512.933.979.046	40.689.051,03	12.606,19	147,11
Kỳ 3 Tháng 7/2024	521.743.377.681	40.946.032,84	12.742,22	136,03
Kỳ 4 Tháng 7/2024	521.772.315.210	40.937.960,25	12.745,43	3,21
Kỳ 5 Tháng 7/2024	521.418.571.361	40.913.754,15	12.744,33	(1,10)
Kỳ 6 Tháng 7/2024	517.539.766.675	41.020.542,37	12.616,59	(127,74)
Kỳ 7 Tháng 7/2024	511.055.208.486	41.141.497,84	12.421,89	(194,70)
Kỳ 8 Tháng 7/2024	508.383.122.082	41.337.098,62	12.298,47	(123,42)
Kỳ 9 Tháng 7/2024	515.965.347.220	41.646.079,39	12.389,28	90,81
Kỳ cuối Tháng 7/2024	518.439.428.038	42.009.895,03	12.340,88	(48,40)
Kỳ 1 Tháng 8/2024	492.545.079.968	42.168.505,93	11.680,40	(660,48)
Kỳ 2 Tháng 8/2024	507.021.350.684	42.416.130,04	11.953,50	273,10
Kỳ 3 Tháng 8/2024	520.996.662.468	42.642.250,70	12.217,85	264,35
Kỳ 4 Tháng 8/2024	520.639.354.095	42.844.436,48	12.151,85	(66,00)
Kỳ 5 Tháng 8/2024	537.810.824.927	42.871.820,71	12.544,62	392,77
Kỳ 6 Tháng 8/2024	543.200.714.564	42.924.603,69	12.654,76	110,14
Kỳ 7 Tháng 8/2024	543.049.933.314	43.183.330,31	12.575,45	(79,31)
Kỳ 8 Tháng 8/2024	540.364.332.204	43.100.270,00	12.537,37	(38,08)
Kỳ cuối Tháng 8/2024	541.232.341.786	42.993.687,67	12.588,64	51,27
Kỳ 1 Tháng 9/2024	538.298.572.899	42.993.687,67	12.520,40	(68,24)
Kỳ 2 Tháng 9/2024	532.521.188.761	43.093.329,48	12.357,39	(163,01)
Kỳ 3 Tháng 9/2024	530.459.780.040	43.068.352,56	12.316,69	(40,70)
Kỳ 4 Tháng 9/2024	527.301.215.695	43.082.639,38	12.239,29	(77,40)
Kỳ 5 Tháng 9/2024	535.961.030.787	43.029.673,29	12.455,61	216,32
Kỳ 6 Tháng 9/2024	540.854.024.668	43.044.326,09	12.565,04	109,43
Kỳ 7 Tháng 9/2024	550.417.411.098	43.013.738,58	12.796,31	231,27
Kỳ cuối Tháng 9/2024	546.744.511.278	42.885.381,37	12.748,97	(47,34)

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

18. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Giá trị tài sản ròng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo):

Kỳ tính NAV	NAV VNĐ	Số lượng chứng chỉ quỹ	NAV/đơn vị quỹ tại ngày tính NAV VNĐ	Tăng/(giảm) NAV/đơn vị quỹ VNĐ
Kỳ 1 Tháng 10/2024	546.377.847.210	42.961.870,57	12.717,73	(31,24)
Kỳ 2 Tháng 10/2024	541.589.201.671	43.051.428,01	12.580,05	(137,68)
Kỳ 3 Tháng 10/2024	548.798.046.858	43.113.598,67	12.729,11	149,06
Kỳ 4 Tháng 10/2024	553.103.479.885	43.230.897,51	12.794,17	65,06
Kỳ 5 Tháng 10/2024	551.174.829.272	43.320.077,93	12.723,31	(70,86)
Kỳ 6 Tháng 10/2024	551.562.472.290	43.367.118,20	12.718,44	(4,87)
Kỳ 7 Tháng 10/2024	552.588.863.020	43.491.960,05	12.705,54	(12,90)
Kỳ 8 Tháng 10/2024	550.388.236.447	43.562.041,42	12.634,58	(70,96)
Kỳ 9 Tháng 10/2024	557.935.964.858	43.742.707,71	12.754,94	120,36
Kỳ cuối Tháng 10/2024	560.624.773.138	43.860.306,04	12.782,05	27,11
Kỳ 1 Tháng 11/2024	553.870.232.473	43.860.306,04	12.628,05	(154,00)
Kỳ 2 Tháng 11/2024	567.573.553.112	44.128.412,64	12.861,86	233,81
Kỳ 3 Tháng 11/2024	569.039.520.689	44.266.876,78	12.854,74	(7,12)
Kỳ 4 Tháng 11/2024	569.899.934.581	44.378.411,03	12.841,82	(12,92)
Kỳ 5 Tháng 11/2024	558.209.800.650	44.429.791,74	12.563,86	(277,96)
Kỳ 6 Tháng 11/2024	557.942.623.617	44.629.499,68	12.501,65	(62,21)
Kỳ 7 Tháng 11/2024	571.324.581.581	44.907.613,26	12.722,22	220,57
Kỳ 8 Tháng 11/2024	577.234.127.606	45.131.888,55	12.789,93	67,71
Kỳ cuối Tháng 11/2024	587.196.006.842	45.168.369,42	13.000,15	210,22

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

18. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Giá trị tài sản ròng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo):

Kỳ tính NAV	NAV VNĐ	Số lượng chứng chỉ quỹ	NAV/đơn vị quỹ tại ngày tính NAV VNĐ	Tăng/(giảm) NAV/đơn vị quỹ VNĐ
Kỳ 1 Tháng 12/2024	587.612.464.200	45.168.369,42	13.009,37	9,22
Kỳ 2 Tháng 12/2024	587.094.866.219	45.229.625,80	12.980,31	(29,06)
Kỳ 3 Tháng 12/2024	597.025.721.505	44.846.632,57	13.312,60	332,29
Kỳ 4 Tháng 12/2024	594.916.792.468	44.880.320,97	13.255,62	(56,98)
Kỳ 5 Tháng 12/2024	594.148.879.545	44.873.991,84	13.240,38	(15,24)
Kỳ 6 Tháng 12/2024	597.159.169.926	45.041.658,16	13.257,93	17,55
Kỳ 7 Tháng 12/2024	601.954.406.076	45.229.311,59	13.308,94	51,01
Kỳ 8 Tháng 12/2024	609.911.933.927	45.312.264,84	13.460,19	151,25
Kỳ 9 Tháng 12/2024	610.229.655.688	45.424.447,18	13.433,94	(26,25)
Kỳ cuối Tháng 12/2024	613.479.194.699	45.774.866,42	13.402,09	(31,85)
Giá trị tài sản ròng bình quân trong năm	481.039.551.021			
Biến động giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị quỹ trong năm - mức cao nhất				(660,48)
Biến động giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị quỹ trong năm - mức thấp nhất				(0,65)

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

18. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG

Giá trị tài sản ròng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023:

Kỳ tính NAV	NAV VNĐ	Số lượng chứng chỉ quỹ	NAV/đơn vị quỹ tại ngày tính NAV VNĐ	Tăng/(giảm) NAV/đơn vị quỹ VNĐ
Kỳ cuối Tháng 12/2022	255.876.261.450	31.834.509,36	8.037,70	
Kỳ 1 Tháng 1/2023	255.844.578.571	31.834.509,36	8.036,70	(1,00)
Kỳ 2 Tháng 1/2023	261.965.054.109	31.843.790,76	8.226,56	189,86
Kỳ 3 Tháng 1/2023	261.823.262.101	31.853.609,85	8.219,57	(6,99)
Kỳ 4 Tháng 1/2023	264.320.592.366	31.880.225,43	8.291,05	71,48
Kỳ 5 Tháng 1/2023	265.398.371.260	31.886.208,11	8.323,29	32,24
Kỳ 6 Tháng 1/2023	273.615.097.674	31.872.718,86	8.584,61	261,32
Kỳ 7 Tháng 1/2023	276.078.205.031	31.897.165,94	8.655,25	70,64
Kỳ 8 Tháng 1/2023	277.189.821.296	31.897.165,94	8.690,10	34,85
Kỳ cuối Tháng 1/2023	280.412.435.812	31.939.813,44	8.779,40	89,30
Kỳ 1 Tháng 2/2023	272.569.599.555	31.939.813,44	8.533,85	(245,55)
Kỳ 2 Tháng 2/2023	272.168.089.855	31.999.983,57	8.505,25	(28,60)
Kỳ 3 Tháng 2/2023	269.037.303.898	32.036.762,78	8.397,76	(107,49)
Kỳ 4 Tháng 2/2023	262.491.426.072	32.052.755,26	8.189,35	(208,41)
Kỳ 5 Tháng 2/2023	264.527.016.633	32.099.268,45	8.240,90	51,55
Kỳ 6 Tháng 2/2023	276.453.727.289	32.073.674,18	8.619,33	378,43
Kỳ 7 Tháng 2/2023	269.005.022.056	31.965.583,80	8.415,45	(203,88)
Kỳ 8 Tháng 2/2023	257.010.781.157	31.939.553,01	8.046,78	(368,67)
Kỳ cuối Tháng 2/2023	257.829.402.117	31.951.607,35	8.069,37	22,59
Kỳ 1 Tháng 3/2023	263.571.250.591	31.951.607,35	8.249,07	179,70
Kỳ 2 Tháng 3/2023	259.698.109.078	31.990.031,39	8.118,09	(130,98)
Kỳ 3 Tháng 3/2023	264.044.834.904	31.946.365,65	8.265,25	147,16
Kỳ 4 Tháng 3/2023	262.565.550.011	31.932.980,12	8.222,39	(42,86)
Kỳ 5 Tháng 3/2023	264.317.651.323	31.935.274,43	8.276,66	54,27
Kỳ 6 Tháng 3/2023	256.225.519.858	31.891.864,97	8.034,19	(242,47)
Kỳ 7 Tháng 3/2023	258.251.867.604	31.854.583,60	8.107,21	73,02
Kỳ 8 Tháng 3/2023	261.829.892.494	31.851.766,10	8.220,26	113,05
Kỳ 9 Tháng 3/2023	262.116.586.644	31.855.982,10	8.228,17	7,91
Kỳ cuối Tháng 3/2023	266.641.102.909	31.858.733,62	8.369,48	141,31



Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

18. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Giá trị tài sản ròng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo):

Kỳ tính NAV	NAV VNĐ	Số lượng chứng chỉ quỹ	NAV/đơn vị quỹ tại ngày tính NAV VNĐ	Tăng/(giảm) NAV/đơn vị quỹ VNĐ
Kỳ 1 Tháng 4/2023	270.526.852.356	31.858.733,62	8.491,45	121,97
Kỳ 2 Tháng 4/2023	273.830.188.719	31.849.290,78	8.597,68	106,23
Kỳ 3 Tháng 4/2023	272.753.922.451	31.818.954,55	8.572,05	(25,63)
Kỳ 4 Tháng 4/2023	275.848.575.166	31.801.443,31	8.674,08	102,03
Kỳ 5 Tháng 4/2023	273.940.097.315	31.812.557,97	8.611,06	(63,02)
Kỳ 6 Tháng 4/2023	276.008.953.634	31.822.421,66	8.673,41	62,35
Kỳ 7 Tháng 4/2023	278.555.789.415	31.830.263,71	8.751,28	77,87
Kỳ 8 Tháng 4/2023	273.230.856.771	31.375.358,18	8.708,45	(42,83)
Kỳ cuối Tháng 4/2023	269.949.136.170	30.824.268,19	8.757,68	49,23
Kỳ 1 Tháng 5/2023	269.897.285.324	30.824.268,19	8.755,99	(1,69)
Kỳ 2 Tháng 5/2023	273.379.253.953	30.852.597,80	8.860,81	104,82
Kỳ 3 Tháng 5/2023	275.133.360.406	30.870.536,84	8.912,49	51,68
Kỳ 4 Tháng 5/2023	277.239.140.077	30.785.841,58	9.005,41	92,92
Kỳ 5 Tháng 5/2023	276.844.572.968	30.735.250,94	9.007,39	1,98
Kỳ 6 Tháng 5/2023	281.554.699.911	30.785.302,59	9.145,75	138,36
Kỳ 7 Tháng 5/2023	277.236.740.828	30.479.310,01	9.095,89	(49,86)
Kỳ 8 Tháng 5/2023	280.612.538.727	30.506.230,38	9.198,53	102,64
Kỳ cuối Tháng 5/2023	280.916.397.989	30.343.208,33	9.257,96	59,43
Kỳ 1 Tháng 6/2023	280.675.964.588	30.014.923,28	9.351,21	93,25
Kỳ 2 Tháng 6/2023	284.404.021.122	30.109.677,18	9.445,60	94,39
Kỳ 3 Tháng 6/2023	288.656.645.590	30.144.906,54	9.575,63	130,03
Kỳ 4 Tháng 6/2023	285.207.590.557	30.154.793,14	9.458,11	(117,52)
Kỳ 5 Tháng 6/2023	286.300.781.793	30.137.063,14	9.499,95	41,84
Kỳ 6 Tháng 6/2023	292.897.591.172	30.159.852,95	9.711,50	211,55
Kỳ 7 Tháng 6/2023	295.103.622.581	30.172.536,00	9.780,53	69,03
Kỳ 8 Tháng 6/2023	298.218.763.001	30.269.085,63	9.852,25	71,72
Kỳ cuối Tháng 6/2023	297.489.465.924	30.596.108,38	9.723,11	(129,14)

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

18. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Giá trị tài sản ròng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo):

Kỳ tính NAV	NAV VNĐ	Số lượng chứng chỉ quỹ	NAV/đơn vị quỹ tại ngày tính NAV VNĐ	Tăng/(giảm) NAV/đơn vị quỹ VNĐ
Kỳ 1 Tháng 7/2023	298.354.255.963	30.596.108,38	9.751,37	28,26
Kỳ 2 Tháng 7/2023	302.526.955.602	30.696.198,57	9.855,51	104,14
Kỳ 3 Tháng 7/2023	309.038.306.548	30.812.142,19	10.029,75	174,24
Kỳ 4 Tháng 7/2023	312.667.703.801	30.882.078,48	10.124,56	94,81
Kỳ 5 Tháng 7/2023	315.779.129.910	30.952.823,34	10.201,94	77,38
Kỳ 6 Tháng 7/2023	317.347.652.975	31.080.137,82	10.210,62	8,68
Kỳ 7 Tháng 7/2023	322.273.411.044	31.048.424,78	10.379,70	169,08
Kỳ 8 Tháng 7/2023	320.641.603.694	31.076.851,43	10.317,69	(62,01)
Kỳ cuối Tháng 7/2023	323.975.455.391	31.102.658,45	10.416,32	98,63
Kỳ 1 Tháng 8/2023	320.230.566.349	31.273.752,83	10.239,59	(176,73)
Kỳ 2 Tháng 8/2023	325.300.242.091	31.293.517,40	10.395,13	155,54
Kỳ 3 Tháng 8/2023	325.980.275.653	31.347.671,00	10.398,86	3,73
Kỳ 4 Tháng 8/2023	325.518.183.099	31.355.129,91	10.381,65	(17,21)
Kỳ 5 Tháng 8/2023	327.281.846.782	31.360.277,55	10.436,19	54,54
Kỳ 6 Tháng 8/2023	307.766.506.933	30.839.275,95	9.979,69	(456,50)
Kỳ 7 Tháng 8/2023	306.924.089.368	30.861.683,55	9.945,15	(34,54)
Kỳ 8 Tháng 8/2023	316.846.914.654	30.876.417,62	10.261,77	316,62
Kỳ 9 Tháng 8/2023	323.533.872.341	30.921.475,51	10.463,08	201,31
Kỳ cuối Tháng 8/2023	327.741.022.492	30.938.972,89	10.593,14	130,06
Kỳ 1 Tháng 9/2023	327.661.613.996	30.938.972,89	10.590,57	(2,57)
Kỳ 2 Tháng 9/2023	334.218.204.348	30.974.361,75	10.790,15	199,58
Kỳ 3 Tháng 9/2023	328.830.998.145	30.960.926,88	10.620,83	(169,32)
Kỳ 4 Tháng 9/2023	334.302.117.242	30.999.940,87	10.783,95	163,12
Kỳ 5 Tháng 9/2023	332.508.143.201	30.894.555,73	10.762,67	(21,28)
Kỳ 6 Tháng 9/2023	338.211.301.931	30.897.780,16	10.946,13	183,46
Kỳ 7 Tháng 9/2023	320.425.799.535	30.983.440,88	10.341,84	(604,29)
Kỳ 8 Tháng 9/2023	318.902.905.699	30.582.017,31	10.427,79	85,95
Kỳ cuối Tháng 9/2023	320.550.152.359	30.709.708,20	10.438,07	10,28

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

18. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Giá trị tài sản ròng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo):

Kỳ tính NAV	NAV VNĐ	Số lượng chứng chỉ quỹ	NAV/đơn vị quỹ tại ngày tính NAV VNĐ	Tăng/(giảm) NAV/đơn vị quỹ VNĐ
Kỳ 1 Tháng 10/2023	320.656.176.585	30.709.708,20	10.441,52	3,45
Kỳ 2 Tháng 10/2023	316.980.096.613	30.823.057,64	10.283,86	(157,66)
Kỳ 3 Tháng 10/2023	323.973.937.795	30.913.094,52	10.480,15	196,29
Kỳ 4 Tháng 10/2023	329.250.882.388	30.970.020,91	10.631,27	151,12
Kỳ 5 Tháng 10/2023	327.473.626.765	31.047.467,13	10.547,51	(83,76)
Kỳ 6 Tháng 10/2023	315.270.731.747	31.048.897,06	10.154,00	(393,51)
Kỳ 7 Tháng 10/2023	313.920.522.768	31.070.062,03	10.103,63	(50,37)
Kỳ 8 Tháng 10/2023	317.173.003.675	31.164.246,69	10.177,46	73,83
Kỳ 9 Tháng 10/2023	302.353.247.462	31.163.559,75	9.702,14	(475,32)
Kỳ cuối Tháng 10/2023	294.831.253.063	31.167.104,66	9.459,69	(242,45)
Kỳ 1 Tháng 11/2023	297.971.948.922	31.167.104,66	9.560,46	100,77
Kỳ 2 Tháng 11/2023	314.190.349.485	31.239.605,86	10.057,43	496,97
Kỳ 3 Tháng 11/2023	323.486.383.257	31.360.945,72	10.314,94	257,51
Kỳ 4 Tháng 11/2023	322.689.452.242	31.431.273,40	10.266,50	(48,44)
Kỳ 5 Tháng 11/2023	325.782.687.297	31.358.340,60	10.389,02	122,52
Kỳ 6 Tháng 11/2023	323.517.286.792	31.348.098,57	10.320,15	(68,87)
Kỳ 7 Tháng 11/2023	326.299.232.923	31.352.056,79	10.407,58	87,43
Kỳ 8 Tháng 11/2023	315.678.899.295	31.340.101,86	10.072,68	(334,90)
Kỳ 9 Tháng 11/2023	321.909.745.234	31.523.408,62	10.211,76	139,08
Kỳ cuối Tháng 11/2023	322.357.035.050	31.583.642,32	10.206,45	(5,31)

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

18. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Giá trị tài sản ròng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo):

Kỳ tính NAV	NAV VNĐ	Số lượng chứng chỉ quỹ	NAV/đơn vị quỹ tại ngày tính NAV VNĐ	Tăng/(giảm) NAV/đơn vị quỹ VNĐ
Kỳ 1 Tháng 12/2023	328.672.558.471	31.583.642,32	10.406,41	199,96
Kỳ 2 Tháng 12/2023	330.046.027.862	31.661.538,88	10.424,19	17,78
Kỳ 3 Tháng 12/2023	327.007.256.278	31.580.725,52	10.354,64	(69,55)
Kỳ 4 Tháng 12/2023	324.378.911.772	31.653.369,54	10.247,84	(106,80)
Kỳ 5 Tháng 12/2023	320.547.397.426	31.651.761,75	10.127,31	(120,53)
Kỳ 6 Tháng 12/2023	325.101.233.121	31.728.766,81	10.246,26	118,95
Kỳ 7 Tháng 12/2023	333.160.465.112	31.885.197,97	10.448,75	202,49
Kỳ 8 Tháng 12/2023	334.748.803.456	31.846.214,32	10.511,41	62,66
Kỳ cuối Tháng 12/2023	322.992.936.587	30.454.039,45	10.605,91	94,50
Giá trị tài sản ròng bình quân trong năm	297.168.625.461			
Biến động giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị quỹ trong năm mức cao nhất				(604,29)
Biến động giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị quỹ trong năm mức thấp nhất				(1,00)

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
 Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

19. CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành

Chi tiết theo thời gian có thể mua lại chứng chỉ quỹ:

	<i>Số cuối năm (chứng chỉ quỹ)</i>	<i>Số đầu năm (chứng chỉ quỹ)</i>
Đến một năm	45.774.866,42	30.454.039,45

20. CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG QUỸ

	<i>Năm nay VNĐ</i>	<i>Năm trước VNĐ</i>
Tỷ lệ chi phí hoạt động	2,26	2,26
Tốc độ vòng quay danh mục	25,44	5,46

20.1 *Tỷ lệ chi phí hoạt động*

Tỷ lệ chi phí hoạt động là tỷ lệ đánh giá chi phí hoạt động của Quỹ tính cho một đơn vị giá trị tài sản ròng.

Tỷ lệ chi phí hoạt động được xác định theo công thức:

$$\text{Tỷ lệ chi phí hoạt động (\%)} = \frac{\text{Tổng chi phí hoạt động} \times 100 (\%)}{\text{Giá trị tài sản ròng (NAV) trung bình trong năm}}$$

Những chi phí không được tính vào chi phí hoạt động của Quỹ khi tính chỉ tiêu tỷ lệ chi phí hoạt động bao gồm:

- Chi phí lãi vay;
- Chi phí lãi, lỗ tỷ giá hối đoái (bao gồm đã thực hiện và chưa thực hiện);
- Thuế khấu trừ tại nguồn đối với thu nhập của các nhà đầu tư hoặc thuế phát sinh từ các khoản thu nhập đã nộp trong năm (thuế Thu nhập doanh nghiệp), bao gồm cả thuế Nhà thầu;
- Chi phí mua, chi phí bán chứng chỉ quỹ và các chi phí khác phát sinh từ việc mua, bán chứng chỉ quỹ; và
- Các khoản cổ tức và các khoản phân phối khác đã trả cho nhà đầu tư.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

20. CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG QUỸ (tiếp theo)

20.2 Tốc độ vòng quay danh mục

Tốc độ vòng quay danh mục là số quay vòng tài sản đầu tư của Quỹ trong một (1) năm.

Tốc độ vòng quay danh mục được xác định theo công thức:

$$\text{Tốc độ vòng quay danh mục (\%)} = \frac{(\text{Tổng giá trị mua trong năm} + \text{Tổng giá trị bán trong năm})/2 * 100 (\%)}{\text{Giá trị tài sản ròng (NAV) trung bình trong năm}}$$

21. CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Quỹ có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động của Quỹ. Quỹ cũng đã được Công ty Quản lý Quỹ xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Điều hành Công ty Quản lý Quỹ liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Điều hành Công ty Quản lý Quỹ xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

21.1 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các dòng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản tiền gửi và các khoản đầu tư chứng khoán.

(i) Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Quỹ chủ yếu liên quan đến tiền gửi ngân hàng của Quỹ. Những tài sản này có tính thanh khoản cao và không được Quỹ nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc chờ tăng giá.

Công ty Quản lý Quỹ quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Quỹ và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty Quản lý Quỹ tin rằng rủi ro lãi suất không có ảnh hưởng đáng kể đến kết quả hoạt động của Quỹ. Quỹ không áp dụng phương pháp phân tích độ nhạy đối với lãi suất do danh mục đầu tư của Quỹ là các tài sản tài chính cho thu nhập cố định, có rủi ro lãi suất thấp.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank

Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

21. CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

21.1 *Rủi ro thị trường* (tiếp theo)

(ii) *Rủi ro tiền tệ*

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính bị thay đổi xuất phát từ những thay đổi về tỷ giá.

Quỹ được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo và giao dịch chính của Quỹ là VNĐ. Rủi ro do sự thay đổi tỷ giá hối đoái của Quỹ là không có do Quỹ không nắm giữ tài sản và nợ phải trả bằng ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2024.

(iii) *Rủi ro về giá chứng khoán*

Các cổ phiếu niêm yết do Quỹ nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Quỹ quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư.

Tại ngày lập báo cáo tài chính, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu và quyền mua cổ phiếu của Quỹ là 585.923.064.150 đồng. Nếu giá trị thị trường của các cổ phiếu này giảm 10% thì kết quả hoạt động của Quỹ sẽ giảm khoảng 58.592.306.415 đồng, phụ thuộc vào việc giảm giá trị này có đáng kể hoặc kéo dài hay không. Nếu giá trị thị trường của các cổ phiếu này tăng 10% thì kết quả hoạt động của Quỹ sẽ tăng khoảng 58.592.306.415 đồng.

21.2 *Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện các nghĩa vụ của mình theo cam kết, dẫn đến tổn thất về tài chính. Quỹ có rủi ro tín dụng từ tài sản tài chính bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Quỹ chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng có uy tín ở Việt Nam. Rủi ro đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi Công ty Quản lý Quỹ theo chính sách của Quỹ. Quỹ nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là rất thấp.

Chính sách của Quỹ là đầu tư vào các công cụ tài chính của các đối tác có uy tín. Bộ phận quản lý đầu tư theo dõi chặt chẽ tình hình tín dụng của các đối tác của Quỹ bằng cách xem xét tình hình tài chính, khả năng trả nợ của đối tác, báo cáo tài chính và thông tin đại chúng.

21.3 *Rủi ro thanh khoản*

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Quỹ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Quỹ chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Quỹ đầu tư chủ yếu trên thị trường chứng khoán và các công cụ tài chính khác, trong điều kiện bình thường của thị trường, có thể dễ dàng chuyển đổi thành tiền mặt. Quỹ giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc đầu tư một tỷ trọng đầu tư hợp lý vào các cổ phiếu có tính thanh khoản cao. Thanh khoản của một cổ phiếu được xem xét theo số ngày cần thiết để thanh toán toàn bộ số cổ phiếu quỹ nắm giữ với giá định giao dịch của Quỹ chiếm 10% giao dịch của thị trường.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

22. THUYẾT MINH BỔ SUNG TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Quỹ tại thời điểm cuối năm:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ VNĐ	Giá trị hợp lý VNĐ	Giá trị ghi sổ VNĐ	Giá trị hợp lý VNĐ
Tài sản tài chính				
Tiền và tương đương tiền	31.376.825.925	31.376.825.925	5.210.236.036	5.210.236.036
Các khoản đầu tư thuần	585.923.064.150	585.923.064.150	318.536.178.000	318.536.178.000
- Cổ phiếu	585.236.458.650	585.236.458.650	318.307.770.500	318.307.770.500
- Quyền mua chứng khoán	686.605.500	686.605.500	228.407.500	228.407.500
Các khoản phải thu	541.598.000	541.598.000	384.704.748	384.704.748
	617.841.488.075	617.841.488.075	324.131.118.784	324.131.118.784
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho các Đại lý phân phối chứng chỉ quỹ	409.566.597	409.566.597	-	-
Chi phí phải trả	27.000.000	27.000.000	71.280.000	71.280.000
Phải trả cho Nhà đầu tư về mua chứng chỉ quỹ	2.134.648.676	2.134.648.676	724.413.453	724.413.453
Phải trả cho Nhà đầu tư về mua lại chứng chỉ quỹ	795.299.797	795.299.797	-	-
Phải trả dịch vụ quản lý quỹ mở	953.425.659	953.425.659	342.488.744	342.488.744
	4.319.940.729	4.319.940.729	1.138.182.197	1.138.182.197

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ tài chính phải trả được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bất buộc phải bán hoặc thanh lý.

Quỹ sử dụng phương pháp và giả định sau đây được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu, phải trả cho các Đại lý phân phối chứng chỉ quỹ, chi phí phải trả, phải trả cho Nhà đầu tư về mua và mua lại chứng chỉ quỹ và phải trả dịch vụ quản lý quỹ mở bằng với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền và cổ phiếu được ước tính theo phương pháp định giá quy định tại *Thuyết minh 3.4.*

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

23. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ CÁC HỢP ĐỒNG THEN CHÓT KHÁC

23.1 Nghiệp vụ với các bên liên quan

a) Công ty Quản lý Quỹ

Các giao dịch trọng yếu trong năm như sau:

	<i>Năm nay</i> <i>VND</i>	<i>Năm trước</i> <i>VND</i>
Giá dịch vụ quản lý quỹ	9.039.985.453	5.384.025.044
Số dư tại thời điểm cuối năm như sau:		
	<i>Số cuối năm</i> <i>VND</i>	<i>Số đầu năm</i> <i>VND</i>
Phải trả dịch vụ quản lý quỹ	863.044.151	264.388.744
Phải trả phí về mua lại Chứng chỉ quỹ	409.566.597	-
	1.272.610.748	264.388.744

b) Thủ lao của Ban Đại diện Quỹ

Ngoài tiền thù lao, không có bất kỳ hợp đồng nào mà theo đó Quỹ và bất kỳ thành viên của Ban Đại diện Quỹ là một bên tham gia ký kết hợp đồng trong trường hợp thành viên Ban Đại diện Quỹ có lợi ích quan trọng trong hợp đồng. Thù lao của Ban Đại diện Quỹ được hạch toán vào chi phí của Quỹ.

	<i>Năm nay</i> <i>VND</i>	<i>Năm trước</i> <i>VND</i>
Thù lao Ban Đại diện Quỹ	120.000.000	120.000.000
Số dư tại thời điểm cuối năm như sau:		
	<i>Số cuối năm</i> <i>VND</i>	<i>Số đầu năm</i> <i>VND</i>
Phải trả thù lao Ban Đại diện Quỹ	27.000.000	-

**Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng VCBF**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

23. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ CÁC HỢP ĐỒNG THEN CHÓT KHÁC (tiếp theo)

23.1 Nghiệp vụ với các bên liên quan (tiếp theo)

c) Số lượng chứng chỉ quỹ mà bên liên quan nắm giữ

Chi tiết số lượng chứng chỉ quỹ được nắm giữ bởi bên liên quan như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
		<i>Số lượng chứng chỉ quỹ nắm giữ</i>	<i>Tỷ lệ (%)</i>	<i>Số lượng chứng chỉ quỹ nắm giữ</i>	<i>Tỷ lệ (%)</i>
Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank	Công ty Quản lý Quỹ	4.861.250,92	10,62	4.861.250,92	15,96
Bên liên quan khác		508.362,12	1,11	470.012,33	1,55
		5.369.613,04	11,73	5.331.263,25	17,51

23.2 Các hợp đồng then chốt khác

Ngân hàng Giám sát

Theo hợp đồng giám sát và lưu ký ký với Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered Việt Nam ("Ngân hàng Giám sát"), Quỹ có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng Giám sát một khoản giá dịch vụ giám sát là 0,04% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quỹ với mức tối thiểu là 16.000.000 đồng một tháng, mức giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng. Giá dịch vụ lưu ký là 0,03% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quỹ với mức tối thiểu là 11.000.000 đồng một tháng.

Ngân hàng Giám sát cũng đồng thời là tổ chức cung cấp dịch vụ quản trị quỹ. Quỹ có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng Giám sát một khoản giá dịch vụ quản trị quỹ. Theo đó, từ sau ngày 1 tháng 7 năm 2022 đến hết ngày 31 tháng 1 năm 2023, thì giá dịch vụ quản trị quỹ là 0,05% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quỹ, với mức tối thiểu là 11.000.000 đồng một tháng; từ ngày 1 tháng 2 năm 2023, giá dịch vụ quản trị quỹ là 0,05% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quỹ, với mức tối thiểu là 31.000.000 đồng một tháng, mức giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Giá dịch vụ lập báo cáo tài chính cho quỹ là 36.000.000 đồng một năm, tương đương với 3.000.000 đồng một tháng. Mức giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng. Giá dịch vụ lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào chi phí của Quỹ tại mỗi kỳ định giá và được thanh toán hàng tháng cho Ngân hàng Giám sát.

Ngoài ra, Quỹ có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng Giám sát một khoản giá dịch vụ giao dịch chứng khoán là 220.000 VNĐ/giao dịch.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

23. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ CÁC HỢP ĐỒNG THEN CHÓT KHÁC (tiếp theo)

23.2 Các hợp đồng then chốt khác (tiếp theo)

Chi tiết giá dịch vụ và thu nhập phát sinh trong năm như sau:

	<i>Năm nay</i> <i>VND</i>	<i>Năm trước</i> <i>VND</i>
Giá dịch vụ giám sát	227.560.623	211.200.000
Giá dịch vụ lưu ký - bảo quản tài sản	150.802.836	132.000.000
Giá dịch vụ lưu ký - giao dịch chứng khoán	47.740.000	6.160.000
Giá dịch vụ quản trị quỹ	448.800.000	427.289.723
Lãi từ tiền gửi không kỳ hạn	23.095.807	6.200.879
Phí ngân hàng	10.967.854	7.308.619

Số dư tại thời điểm cuối năm như sau:

	<i>Số cuối năm</i> <i>VND</i>	<i>Số đầu năm</i> <i>VND</i>
Tiền gửi thanh toán	31.376.825.925	3.180.493.294
Phải trả dịch vụ giám sát	22.345.762	17.600.000
Phải trả dịch vụ lưu ký - bảo quản tài sản	15.235.746	11.000.000
Phải trả dịch vụ lưu ký - giao dịch chứng khoán	4.400.000	1.100.000
Phải trả dịch vụ quản trị quỹ	37.400.000	37.400.000

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

24. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ngoài các thông tin đã trình bày trong báo cáo tài chính, không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong báo cáo tài chính của Quỹ.

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 31 tháng 3 năm 2025

Bà Lê Văn
Trưởng phòng Dịch vụ Quỹ và Danh mục



Bà Nguyễn Thị Hằng Nga
Tổng Giám đốc

Bà Nguyễn Minh Hằng
Người lập biểu

Bà Trần Thị Hà Linh
Kế toán Trưởng